

Từ khát vọng độc lập tự do trong cách mạng tháng Tám đến khát vọng vươn mình trong kỷ nguyên mới

■ NGUYỄN VĂN GIANG

Khát vọng độc lập, tự do - cội nguồn sức mạnh làm nên thắng lợi Cách mạng tháng Tám

Lịch sử là một dòng chảy không ngừng nghỉ, những gì của hôm nay được khởi nguồn từ ngày hôm qua và những gì của ngày mai là gốc rễ khởi đầu từ hôm nay, đó là quy luật của sự phát triển. Thực tiễn chứng minh rằng, để thành công mỗi dân tộc không thể thiếu khát vọng. Khát vọng khởi nguồn từ sự sống, sự tồn tại đến sự phát triển thịnh vượng của mỗi quốc gia, dân tộc. Khát vọng dân tộc hiện hữu trong mỗi con người, là sợi dây kết nối dân tộc tạo nên sức mạnh nội sinh trên hành trình đi lên của họ. Thịnh hay suy, thành hay bại của một quốc gia, dân tộc bắt đầu từ khát vọng và sự nuôi dưỡng, đánh thức, biến khát vọng thành hiện thực tạo bước ngoặt lịch sử. Chính khát vọng tạo ra “động lực” giúp mọi quốc gia lập nên những kỳ tích dù điểm

xuất phát rất “khiêm tốn”, ngược lại, không hiếm những quốc gia, dân tộc bị đồng hóa, bị tiêu diệt hoặc tự diệt vong bởi thiếu đi khát vọng dân tộc. Trong mỗi quốc gia, dân tộc, khát vọng lớn nhất, nền tảng chính là độc lập, tự do và khi giành được độc lập, tự do thì lại vươn lên với khát vọng xây dựng một cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc. Cứ thế, khát vọng như một dòng chảy với những hành trình bền bỉ, nối tiếp nhau không ngừng nghỉ, không điểm dừng, không kết thúc.

Đối với dân tộc Việt Nam, khát vọng độc lập tự do với khát vọng tự cường phát triển luôn song hành qua các thời kỳ lịch sử, tạo mạch nguồn sức mạnh, sợi chỉ đỏ xuyên suốt làm nên những điều phi thường trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Từ buổi đầu, các bậc tiền nhân đã hình thành khát vọng, nuôi dưỡng và không ngừng phát huy để khát vọng ngày càng lớn. Nếu không có “khát vọng

độc lập, tự chủ” thì dân tộc ta không thể vượt qua họa ngoại xâm của các thế lực phương Bắc, không thể còn tồn tại khi bị Bắc thuộc hơn 11 thế kỷ, không thể giành lại độc lập trong các cuộc xâm lược. Để rồi khi giành lại độc lập, tự chủ lại vươn lên với khát vọng xây dựng đất nước thái bình thịnh trị. Dù ở thời đại nào thì khát vọng độc lập, tự chủ và phát triển vẫn luôn nòng cốt, không bao giờ thay đổi.

Tiếp bước dấu chân khát vọng cha ông, bước vào thời đại Hồ Chí Minh, với khát vọng “Việt Nam độc lập, tự do, hạnh phúc, dân chủ, phồn vinh, hùng cường, sánh vai với các cường quốc năm châu” đã trở thành sức mạnh vô song làm nên những kỳ tích lịch sử dưới lá cờ vẻ vang của Đảng. Một trong những kỳ tích ấy chính là thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Nước mất thì nhà tan, đó là nỗi trăn trở của thế hệ cha ông khi đất nước bị xâm lăng, nhân dân bị dày xéo. Từ khi bị thực dân Pháp xâm lược, khát vọng độc lập, tự do lại trở dậy, cháy bỏng và khẩn thiết hơn bao giờ hết, vì thế trên đất nước ta các phong trào yêu nước liên tiếp nổ ra, kết thành làn sóng mạnh mẽ nhưng đều thất bại, khát vọng độc lập, tự do chưa thể thành hiện thực. Trong bối cảnh ấy, Nguyễn Tất Thành- người thanh niên yêu nước, mang trong mình ham muốn tột bậc

là "làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành", đã ra đi tìm đường cứu nước. Khó có thể ý thức hết được giá trị của độc lập, tự do và khát vọng mãnh liệt cháy bỏng trong tâm khảm Người thanh niên ấy. Nó biến thành sức mạnh vô biên giúp Người vượt qua bao khó khăn, hiểm nguy để tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc là con đường cách mạng vô sản để hiện thực hóa khát vọng độc lập, tự do cho dân tộc.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp đặc thù cách mạng Việt Nam. Để hiện thực hóa mục tiêu độc lập, tự do, Đảng đề cao sức mạnh nội sinh dân tộc, phát huy cao độ tinh thần đoàn kết và lòng yêu nước của nhân dân với phương châm đem sức ta mà tự giải phóng cho ta, lấy mục tiêu độc lập, tự do làm "sợi dây" kết nối cả dân tộc. Đường lối ấy, không chỉ giải quyết các yêu cầu cấp thiết của cách mạng và nguyện vọng của nhân dân, mà còn gieo vào mỗi người dân niềm tin mãnh liệt về hiện thực của khát vọng độc lập, tự do ở thì tương lai. Với niềm tin son sắt, khát vọng to lớn đã trở thành động lực, biến thành sức mạnh quật cường, bền bỉ, vượt qua những khó khăn, thách thức từng bước tạo nên những thắng lợi, trong những năm 1930-1939, các nguồn lực cách mạng không ngừng được hình

thành và phát triển sâu rộng, tinh thần cách mạng ngày càng lên cao. Từ cuối năm 1939, khi tình hình có nhiều biến động lớn, Đảng xác định phải chuẩn bị để giải quyết vấn đề độc lập dân tộc. Hội nghị Trung ương tháng 5/1941 đã cụ thể hóa chủ trương lớn "giải quyết vấn đề dân tộc" thành những sách lược cụ thể để tổ chức một cuộc cách mạng giành chính quyền bằng sức mạnh, ý chí của quần chúng nhân dân. Đến khi "giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta", Đảng phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền với tinh thần "dù đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập". Chỉ trong vòng 2 tuần lễ, bằng sức mạnh của khát vọng và ý chí, nhân dân ta đã giành thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám, khát vọng độc lập, tự do đã trở thành hiện thực, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh, tạo nên mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc ta.

Nhìn lại hành trình từ khi đất nước bị đô hộ đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám để thấy khát vọng độc lập, tự do luôn cháy bỏng và khẩn thiết trong tâm khảm mỗi người dân Việt Nam. Đó là một cuộc cách mạng "tinh thần" được Đảng đánh thức, quy tụ và phát huy với niềm tin mãnh liệt. Chính niềm tin từ khát vọng ấy đã

thôi thúc tạo nên động lực, ý chí quật cường, tinh thần cách mạng vô song thúc đẩy khát vọng đi tới thắng lợi cuối cùng, mở ra trang sử vẻ vang nhất, chói lọi nhất và là một trong những bước ngoặt vĩ đại nhất của cách mạng Việt Nam.

Điểm tựa và mạch nguồn của khát vọng phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

Phát huy tinh thần Cách mạng Tháng Tám, tiếp nối khát vọng dân tộc, 80 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng dân tộc ta tiếp tục làm nên những "kỳ tích" trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Đó là thắng lợi trong những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đưa cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, là thắng lợi của công cuộc đổi mới, đưa đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện và chưa bao giờ có. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, năm 2024 đạt trên 476 tỷ, đứng thứ tư 4 ASEAN và thứ 33 thế giới; thuộc nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân nâng cao rõ rệt, thu nhập bình quân đầu người tăng lên nhanh chóng, gấp 25 lần sau ba thập kỷ, năm 2024 đạt mức 4.7000 USD, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 60% năm 1986 xuống còn dưới 1,9%... Văn hóa, xã hội,

giáo dục, khoa học công nghệ, y tế đều có những bước phát triển vượt bậc, quốc phòng an ninh luôn được đảm bảo. Quan hệ quốc tế phát triển mạnh mẽ với 13 đối tác chiến lược toàn diện, “cục diện đối ngoại không ngừng được mở rộng; vị thế, uy tín của đất nước không ngừng được lan tỏa, có những đóng góp tích cực vào giải quyết các vấn đề khu vực và toàn cầu”.

Đó là hiện thực sinh động, nền tảng khơi dậy khát vọng phát triển trong kỷ nguyên mới, “kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu”. Với sự vào cuộc quyết liệt, đến nay, Đảng đã ban hành bốn Nghị quyết đột phá là “bốn trụ cột đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới” gồm Nghị quyết số 57-NQ/TW về thúc đẩy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; Nghị quyết số 59-NQ/TW về chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển mạnh mẽ khu vực

kinh tế tư nhân. Đồng thời, việc thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Đảng được đẩy mạnh với tinh thần “vừa chạy vừa xếp hàng”, mang tính lịch sử, đến nay “hàng thẳng, lối thông, đồng lòng cùng tiến”, nhằm tạo sự bứt phá “vươn mình” của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tuy nhiên trong bối cảnh mới của thời đại, trước tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự biến chuyển nhanh chóng, đầy phức tạp, khó dự báo của tình hình quốc tế với các vấn đề của an ninh truyền thống, phi truyền thống, xu hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các trung tâm quyền lực ngày càng gay gắt... đặt dân tộc ta đứng trước những cơ hội song cũng không ít thách thức trên con đường hiện thực hóa khát vọng dân tộc trong kỷ nguyên mới. Bên trong, dù đất nước đạt được những thành tựu lịch sử nhưng cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức như sự phát triển đất nước theo chiều rộng đạt đến giới hạn cần nhanh chóng chuyển sang phát triển theo chiều sâu, hướng tới bền vững; còn nhiều điểm nghẽn, nút thắt cần tiếp tục tháo gỡ nhanh chóng bằng những biện pháp quyết liệt để khai thông, phát huy tối đa sức mạnh của các nguồn lực trong và ngoài nước;...

Chặng đường phía trước sẽ còn nhiều khó khăn, thử thách nhưng với quyết tâm vươn lên của toàn đảng, toàn quân, toàn dân, chúng ta tiếp tục nêu cao ý chí và khát vọng với quyết tâm lớn hơn, hành động quyết liệt hơn để biến khát vọng “phồn vinh, hạnh phúc” dần trở thành hiện thực. Trong điều kiện mới, khát vọng mới thực tiễn sinh động của quá trình hiện thực hóa khát vọng dân tộc ta trong Cách mạng Tháng Tám vẫn là điểm tựa và mạch nguồn cần tiếp tục khơi dậy và phát huy cao độ để “trăm triệu người như một, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết nhất trí, chung sức đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh” kỷ nguyên vươn mình sẽ được hiện thực hóa, dân tộc ta sẽ rạng ngời trong kỷ nguyên mới. □

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.4, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2011, tr.187

(2) Tổng Bí thư Tô Lâm: *Rạng rỡ Việt Nam*, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/rang-ro-viet-nam-813840>, ngày 02-2-2025

(3) Tổng Bí thư Tô Lâm: *Rạng rỡ Việt Nam*, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/rang-ro-viet-nam-813840>, ngày 02-2-2025

(4) GS,TS Tô Lâm: *Một số nội dung cơ bản về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, <https://www.tapchiconsan.org.vn>, ngày 1-11-2024

Các nguyên tắc cơ bản về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài

■ NGỌC HUYỀN

Trên cơ sở việc gia nhập Công ước New York năm 1958, Việt Nam đã nội luật hóa các quy định làm nền tảng pháp lý cho hoạt động công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài (TTNN) cũng như ký kết với các nước những điều ước quốc tế song phương (hiệp định khuyến khích bảo hộ đầu tư, hiệp định thương mại, hiệp định tương trợ tư pháp). Hầu hết các hiệp định song phương không giải quyết cụ thể việc công nhận và cho thi hành tại nước ký kết phán quyết của trọng tài thương mại được tuyên ở nước ký kết kia mà thường dẫn chiếu tới Công ước New York năm 1958 hoặc dẫn chiếu tới pháp luật của nước ký kết nơi phán quyết trọng tài được thi hành⁽¹⁾. Tại Việt Nam, căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015) thì các nguyên tắc cơ bản về công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN bao gồm:

Thứ nhất, dựa trên cơ sở của điều ước quốc tế. Phán quyết của TTNN mà nước đó và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam cùng là thành viên của điều ước quốc tế về công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN được xem xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam (điểm a khoản 1 Điều 424). Điều ước quốc tế đa phương nổi bật là Công ước New York năm 1958 mà Việt Nam là thành viên và nguyên tắc này đã cụ thể hóa quy định tại Điều I Công ước. Thêm vào đó, điều ước quốc tế song phương mà Việt Nam đã ký kết có thể kể đến là 14 Hiệp định về tương trợ tư pháp liên quan đến hoạt động công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN với các nước: Liên bang Nga, Séc, Slovakia, Ba Lan, Hungary, Bulgaria, Cu Ba, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Trung Quốc, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Ukraine, Belarus, Pháp và Mông Cổ. Qua đó, có thể hiểu rằng tòa án Việt Nam sẽ xem xét công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN của các quốc gia thành viên Công ước New York năm 1958 cũng như các quốc gia đã ký kết hiệp định song phương với Việt Nam.

Thứ hai, dựa trên cơ sở

nguyên tắc có đi có lại. Phán quyết của TTNN cũng có thể được xem xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam trên cơ sở có đi có lại mà không đòi hỏi Việt Nam và nước đó phải cùng là thành viên của điều ước quốc tế về công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN (điểm b khoản 1 Điều 424). Nguyên tắc này nhằm mục đích bảo hộ triệt để quyền, lợi ích chính đáng của công dân, pháp nhân nước ngoài tại Việt Nam cũng như công dân, pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài. Theo đó, việc công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN tại Việt Nam được xây dựng và đảm bảo thực thi trên cơ sở việc phán quyết trọng tài Việt Nam được quy định cũng như bảo đảm công nhận và cho thi hành tương ứng ở nước ngoài. Hiện nay, căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự (Thông tư 12/2016/TTLT) thì Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

giao và tòa án nhân dân là 3 cơ quan chịu trách nhiệm giải quyết những vấn đề liên quan đến việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại.

Ngoài ra, từ nguyên tắc này có thể thấy rằng các nhà làm luật đã tiếp thu tinh thần của Công ước New York năm 1958 vì có sự tương thích với Điều I Công ước, nhưng vẫn còn tồn tại một số hạn chế. BLTTDS năm 2015 chưa quy định cụ thể về cơ sở pháp lý để đảm bảo quyền thực hiện cũng như trình tự, thủ tục áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Điều 5 Thông tư 12/2016/TTLT cũng chỉ quy định các trường hợp có thể từ chối thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự cho nước ngoài trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại là khi có căn cứ cho thấy phía nước ngoài không thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự cho Việt Nam và việc thực hiện tương trợ tư pháp đó trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Nhìn chung, việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại chưa tạo được sự thống nhất do hiện nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể của cơ quan có thẩm quyền mà việc sử dụng nguyên tắc này chủ yếu vẫn dựa trên cơ sở tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau giữa các quốc gia. Chính vì thế, để hoàn thiện quy định về việc công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN dựa trên nguyên tắc có đi có lại, cần có văn bản hướng dẫn cụ thể hơn và mang tính khả thi về trình tự, thủ tục áp dụng nguyên tắc trên cũng như nên có danh sách được cập nhật liên tục về các nước đã áp dụng nguyên tắc có

đi có lại với Việt Nam, đặc biệt là các quốc gia đã công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài Việt Nam trên lãnh thổ quốc gia đó.

Thứ ba, phán quyết của TTNN không trái với các nguyên tắc cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam⁽²⁾. Nguyên tắc này cũng đã thể hiện sự thượng tôn pháp luật và chủ quyền quốc gia của Việt Nam. Nếu cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xét thấy việc công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam thì phán quyết đó không được công nhận⁽³⁾. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại (Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP) thì phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam là phán quyết vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam. Quy định này còn chưa rõ ràng và khá chung chung nên có thể dẫn đến việc các chủ thể áp dụng một cách tùy tiện. Gần như trong các Bộ luật, Luật ở những lĩnh vực khác nhau tại nước ta hiện nay đều có các quy định về “nguyên tắc”. Chẳng hạn, Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, Điều 5 Luật Đất đai năm 2024 quy định về nguyên tắc sử dụng đất hay Điều 5 Luật Quản lý thuế năm

2019 quy định về nguyên tắc quản lý thuế...

Như vậy, các nguyên tắc cơ bản về công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN theo pháp luật Việt Nam tương đối giống với quy định của Công ước New York năm 1958, pháp luật của Đức và pháp luật của Vương quốc Anh. Bởi vì, Công ước New York năm 1958 có tất cả 16 điều, trong đó 9 điều quy định về thủ tục gia nhập, ký kết và phê chuẩn của các quốc gia thành viên cũng như hiệu lực của Công ước, các điều còn lại quy định về việc công nhận và thi hành phán quyết TTNN, việc sử dụng Công ước của các quốc gia, việc từ bỏ tham gia Công ước và trách nhiệm của Liên hợp quốc về vấn đề triển khai thi hành Công ước. Căn cứ Công ước New York năm 1958 thì dựa trên nguyên tắc có đi có lại, bất kỳ quốc gia thành viên nào cũng có thể tuyên bố rằng quốc gia đó sẽ áp dụng Công ước đối với việc công nhận và thi hành các phán quyết được đưa ra tại lãnh thổ một quốc gia thành viên khác. Bên cạnh đó, các nguyên tắc được Công ước thiết lập có thể kể đến như nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa phán quyết trọng tài trong nước và phán quyết TTNN, nguyên tắc quyền biệt đãi (những vấn đề nào liên quan đến việc công nhận và thi hành phán quyết TTNN, nếu không được dự liệu bởi Công ước thì pháp luật quốc gia thành viên có toàn quyền hạn định, dựa vào nền tảng của Điều III Công ước New York năm 1958).

(Xem tiếp trang 11)

Tình hình thi hành Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong 6 tháng đầu năm 2025

■ HỒNG LUYẾN

Để đưa các quy định của Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật vào thực tiễn cuộc sống và nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật, thời gian qua các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (cũ) và Quảng Trị (cũ), nay là tỉnh Quảng Trị (mới) luôn quan tâm từ khâu xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật đến khâu phổ biến giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật và bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật và đã đạt được những kết quả nhất định⁽¹⁾.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, UBND và Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật 2 tỉnh khi chưa thực hiện việc sắp xếp đã ban hành 18 văn bản triển khai thực hiện công tác phổ biến,

giáo dục pháp luật, 20 văn bản chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện các luật, nghị định của Chính phủ, thông tư của các bộ, ngành thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý của ngành, cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Về công tác chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết

của HĐND tỉnh, UBND hai tỉnh đã trình và đã được HĐND hai tỉnh ban hành 23 Nghị quyết để quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh theo khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025. UBND đã ban hành 68 Quyết định QPPL để quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025. Trên cơ sở các Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân hai tỉnh đã giao các sở, ban, ngành liên quan tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành các văn bản để chỉ đạo tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định. Đồng thời, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan chuyên

môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp dưới căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của HĐND, UBND tỉnh.

Về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật và các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật, trong 6 tháng đầu năm 2025, trên cơ sở thông báo của Bộ Tư pháp về nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8, UBND hai tỉnh đã ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 và Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024, trong đó đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết các nội dung được luật giao. Về quy định chi tiết nội dung do các văn bản dưới luật giao (Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của các Bộ trưởng), trong 6 tháng đầu năm 2025, Hội đồng nhân dân hai tỉnh đã ban hành 05 Nghị quyết, Ủy ban nhân dân hai tỉnh đã ban hành 20 Quyết định quy định chi tiết và các nội dung khác được các văn bản dưới luật giao.

Bên cạnh đó, để nâng cao hiệu quả tình hình thi hành pháp luật, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được các cấp, các ngành và các địa phương

chú trọng thực hiện. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025, trong đó xác định các nhiệm vụ cụ thể, tiến độ thực hiện, trách nhiệm của cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, các cấp, các ngành và các địa phương trên địa bàn tỉnh đã tập trung phổ biến, triển khai các văn bản quy định trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024; Luật Tài nguyên môi trường, Luật Hoà giải ở cơ sở; Luật Phòng chống ma túy; Luật Phòng chống mua bán người (sửa đổi), Luật An ninh mạng; Luật Phòng chống bạo lực gia đình; Luật Bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Luật Công chứng; Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ...; đặc biệt đẩy mạnh tuyên truyền các nội dung của Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ; Luật Lâm nghiệp; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Luật Viễn thông; Luật Đất đai và truyền thông các dự thảo chính sách, văn bản pháp luật có tác động lớn đến xã hội,

vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội bằng nhiều hình thức khác nhau. Bên cạnh phổ biến pháp luật trực tiếp, tùy thuộc vào đối tượng và nội dung cần chuyển tải, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã lựa chọn, đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp, trong đó chú trọng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội, xây dựng tài liệu phổ biến pháp luật trực quan bằng hình ảnh, thông qua các Trang Thông tin điện tử, Cổng Thông tin điện tử; pano, áp phích, tranh cổ động; loa truyền thanh, ứng dụng mạng xã hội như Facebook, Fanpage, Zalo, Youtube, Tiktok (Quảng Bình); ứng dụng Công dân số (QUANG BINH – S)...; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến như cuộc thi “Tìm hiểu Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục như thực hiện 12 chuyên mục “Pháp luật và Đời sống” phát trên sóng Đài PTTH Quảng Bình, Quảng Trị và chuyên mục PBGDPL đăng trên Báo Quảng Bình, Quảng Trị; thu thanh các nội dung tuyên truyền thiết thực với người dân gửi các địa phương phát trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở; xây dựng các video theo từng đề tài, lĩnh vực để đưa các quy định của pháp luật đến với người dân trên địa bàn một cách có hiệu quả nhất; in ấn, phát hành

tỉnh ban hành bị tác động bởi việc sắp xếp tổ chức, bộ máy của các bộ, ngành, cơ quan ở Trung ương; rà soát 118 văn bản (01 Nghị quyết, 117 Quyết định) do HĐND và UBND tỉnh ban hành và 71 quyết định do UBND cấp huyện ban hành bị tác động bởi việc sắp xếp tổ chức, bộ máy nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; rà soát các quy định có tính chất hạn chế quyền và quy định có vướng mắc, bất cập trong thực hiện chuyển đổi xanh, chuyển đổi số trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; rà soát 196 văn bản theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013.

Về công tác theo dõi thi hành pháp luật, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên chú trọng đến công tác này. UBND hai tỉnh đã ban hành kế hoạch và chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nội dung để nâng cao hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, Sở Tư pháp thường xuyên hướng dẫn một số nội dung về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để các sở, ngành, địa phương làm cơ

sở triển khai thực hiện; tổ chức rà soát các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương chưa phù hợp với nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương để đề xuất điều chỉnh đảm bảo thống nhất; đề xuất nội dung văn bản QPPL của Chính phủ điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương đối với một số vấn đề ưu tiên, cấp bách về phân quyền, phân cấp; rà soát các văn bản QPPL Trung ương và địa phương để phản ánh, kiến nghị, sửa đổi, bổ sung các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật.

Về bảo đảm các điều kiện cho thi hành luật và văn bản quy phạm pháp luật, UBND hai tỉnh và UBND các cấp trên địa bàn đã quan tâm bố trí kinh phí trong nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị, địa phương và tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, triển khai thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, tình hình thi hành Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số khó khăn như việc huy động các nguồn lực xã hội

đóng góp cho công tác PBGDPL vẫn còn hạn chế, kinh phí thực hiện nhiệm vụ PBGDPL chủ yếu do ngân sách nhà nước bố trí; cơ sở vật chất, nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật ở một số cơ quan, đơn vị còn thiếu; các quy định của pháp luật thường xuyên có sự điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nên việc tuyên truyền pháp luật còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật chưa cao; số lượng văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong thời gian qua rất lớn, với nhiều hình thức văn bản, nhiều cấp độ hiệu lực khác nhau nên hệ thống pháp luật vẫn còn chồng chéo hoặc chưa được quy định chi tiết nên việc áp dụng, thực hiện còn gặp khó khăn.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác thi hành pháp luật trong thời gian tới và để các luật, các văn bản quy phạm pháp luật thực sự đi vào cuộc sống, tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong áp dụng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật, nhất là trong giai đoạn vận hành chính quyền địa phương hai cấp, đề nghị Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương sớm tổ chức rà soát và kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc, bất cập các quy định trong văn bản QPPL, tạo thuận lợi cho địa phương trong quá trình thực hiện. Kịp thời thông báo danh mục văn bản quy định chi tiết các văn bản dưới luật để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện; hướng dẫn

cụ thể, chi tiết việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 khi nhận được kiến nghị của địa phương. Đồng thời, đề nghị Chính phủ, Bộ Tư pháp tiếp tục có những Chương trình, Đề án trong giai đoạn tiếp theo để hỗ trợ kinh phí từ Trung ương cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật để hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở địa phương được thực hiện hiệu quả; quan tâm, tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến

công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bên cạnh đó, HĐND tỉnh cần tiếp tục tăng cường công tác giám sát việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật ở địa phương, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, đặc biệt là việc tuân thủ pháp luật về cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp, việc thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến cán bộ, người

dân, doanh nghiệp, bồi thường, hỗ trợ trong giải phóng mặt bằng, ưu đãi đầu tư, phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số ..., đảm bảo thống nhất, đồng bộ, phù hợp giữa hai địa phương sau sắp xếp. □

(1) Các số liệu trong bài biết này được tổng hợp từ kết quả triển khai thi hành Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên của 02 tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị trước khi sắp xếp.

Các nguyên tắc..

(Tiếp theo trang 7)

Tại Đức, nước này không nội luật hóa các điều khoản của Công ước New York năm 1958 về vấn đề công nhận và thi hành phán quyết TTNN thành luật quốc gia như Việt Nam. Mà thay vào đó, Đức dẫn chiếu một cách trực tiếp Công ước. Điều 1061(1) Luật Trọng tài Đức (German Arbitration Act 1998) quy định rằng việc công nhận và thi hành phán quyết TTNN sẽ hoàn toàn tuân theo các quy định của Công ước New York năm 1958 và các điều khoản liên quan đến việc công nhận và thi hành phán quyết TTNN nằm trong những điều ước quốc tế khác mà Đức là thành viên sẽ không có hiệu lực. Do đó, có thể hiểu rằng pháp luật Đức cũng tuân theo các nguyên tắc cơ bản được

thiết lập tại Công ước đã nêu ở trên. Tại Vương quốc Anh, thay vì áp dụng trực tiếp các quy định của Công ước New York năm 1958, nước này đã nội luật hóa các quy định của Công ước vào pháp luật quốc gia bằng cách ban hành Luật Trọng tài thương mại. Cụ thể, việc công nhận và thi hành phán quyết TTNN được quy định tại Phần III Luật Trọng tài Vương quốc Anh (UK Arbitration Act). Trong đó, quy định rõ về công nhận và thi hành các phán quyết theo Công ước New York năm 1958. Vì vậy, có thể hiểu rằng pháp luật Vương quốc Anh cũng tuân theo các nguyên tắc cơ bản được thiết lập tại Công ước đã nêu ở trên.

Như vậy, xác định rõ các nguyên tắc cơ bản giúp cho việc thực hiện pháp luật đúng với tinh thần và bản chất mà pháp luật điều chỉnh cũng như đảm bảo tính thực thi pháp luật của các phán quyết. Thêm

vào đó, trong trường hợp các quan hệ xã hội chưa có sự điều chỉnh bằng pháp luật thì những quy định rõ ràng về các nguyên tắc cơ bản về công nhận và cho thi hành phán quyết của TTNN còn là cơ sở để áp dụng pháp luật. □

(1) Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Tư pháp quốc tế, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, tr.245.

(2) Điều V Công ước New York năm 1958 về công nhận và thi hành phán quyết TTNN.

- Khoản 2 Điều 459 BLTTDS năm 2015.

- Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định LTTTM năm 2010.

(3) Điểm b khoản 2 Điều 459 BLTTDS năm 2015.

Kết quả triển khai hoạt động về trợ giúp pháp lý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 của các Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước trên địa bàn tỉnh

■ LÊ THANH HÀ, PGĐ Trung tâm TGPL nhà nước số 1

Trợ giúp pháp lý được xác định là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước nhằm đảm bảo mọi người dân đều bình đẳng trước pháp luật và tiếp cận được các dịch vụ pháp lý cần thiết. Vai trò quan trọng của trợ giúp pháp lý đã được thể hiện rõ hơn khi nó được ghi nhận trong cả ba Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, đó là: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Chương trình), được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022, đặt ra mục tiêu tổng quát là tiếp tục triển khai Chương trình gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và quá trình đô thị hóa một cách sâu rộng, hiệu quả và bền vững. Chương trình hướng đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền

vững. Theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, Trợ giúp pháp lý (TGPL) là một trong những nội dung, thành phần quan trọng được quy định cụ thể tại nội dung 05: *"Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý"* thuộc nội dung thành phần số 08: *"Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới"*.

Để triển khai nội dung này, Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 1918/BTP-TGPL ngày 10/6/2022 về thực hiện một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đã hướng dẫn cụ thể việc thực hiện về tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản có liên quan với các nội dung: Nâng cao năng lực, kiến thức, hiểu biết hoặc luân phiên theo địa bàn về trợ giúp pháp lý cho những người có uy tín trong cộng đồng và đội ngũ cán bộ ở cơ sở (công an xã, công chức tư pháp hộ tịch), tổ chức, đoàn thể của cấp xã để kịp thời giải thích cho người dân về quyền được trợ giúp pháp lý, hướng dẫn người thuộc diện trợ giúp pháp lý liên hệ với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương; tăng cường hiểu biết về trợ giúp pháp lý của người dân vùng nông thôn nhằm kịp thời tiếp cận trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu để bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của người dân khi có tranh chấp, vướng mắc pháp luật; tổ chức các đợt truyền thông trực tiếp điểm hoặc luân phiên theo địa bàn để hướng dẫn người dân vùng nông thôn hiểu biết về trợ giúp pháp lý và tiếp cận trợ giúp pháp lý khi có tranh chấp, vướng mắc pháp luật; tăng cường thông tin, truyền thông rộng rãi về công tác trợ giúp pháp lý dưới nhiều hình thức tại vùng nông thôn ở các địa phương để nâng cao nhận thức về vai trò của công tác trợ giúp pháp lý nói chung và nhận thức về quyền được trợ giúp pháp lý của người dân vùng nông thôn nói riêng; đa dạng hóa các phương thức truyền thông về trợ giúp pháp lý phù hợp với từng đối tượng, đặc thù địa bàn vùng nông thôn, trình độ dân trí của người dân như: cung cấp các tài liệu về chính sách pháp luật trợ giúp pháp lý cho người dân vùng nông thôn; xây dựng các nội dung truyền thông về trợ giúp pháp lý với nhiều hình thức đa dạng trên các phương tiện thông tin đại chúng cho phù hợp với điều kiện người dân vùng nông thôn; tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động trợ giúp pháp lý, thu hút các nguồn lực tham gia vào hoạt động trợ giúp pháp lý tại vùng nông thôn; tăng cường mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các cơ quan, tổ chức hữu quan tại cơ sở ở các địa phương vùng nông thôn để thực hiện có hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý; nghiên cứu để có thể thực hiện phối hợp các hoạt động trợ giúp pháp lý phù hợp trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông

thôn mới với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 nhưng bảo đảm không chồng chéo về đối tượng và nội dung hỗ trợ trên cùng địa bàn.

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tư pháp, hằng năm các Trung tâm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai tổ chức các hoạt động đảm bảo phù hợp với nội dung, yêu cầu đề ra và đạt được nhiều kết quả tích cực:

- Đối với hoạt động nâng cao năng lực và kiến thức về TGPL: các Trung tâm đã tổ chức các hội nghị tập huấn về cơ chế phối hợp cung cấp thông tin TGPL, giải thích quyền được thuộc diện được TGPL liên hệ với các tổ chức, cá nhân thực hiện TGPL tại địa phương cho đối tượng tham gia là người có uy tín trong cộng đồng (trưởng bản, trưởng ban công tác mặt trận), cán bộ cơ sở (cán bộ xã, công an xã, công chức Tư pháp hộ tịch cấp xã) và người dân tại các xã xây dựng nông thôn mới.

- Đối với hoạt động nâng cao hiểu biết về TGPL cho người dân nông thôn: các Trung tâm đã tổ chức các đợt truyền thông để hướng dẫn người dân nắm rõ các quy định của pháp luật về TGPL và tiếp cận khi có tranh chấp, vướng mắc pháp luật và tăng cường thông tin, truyền thông rộng rãi cho người dân với các hình thức lắp đặt 454 bảng thông tin về TGPL tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa, nhà

sinh hoạt cộng đồng thôn, bản thuộc các xã xây dựng nông thôn mới; biên soạn, in ấn và phát hành 135.000 sổ tay pháp luật "Những điều cần biết về TGPL" và tờ rơi để cấp phát tại các hội nghị truyền thông, tập huấn; phối hợp cung cấp thông tin nhằm phục vụ việc đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, tiến hành rà soát và xác nhận số lượng người dân thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý; triển khai tổ chức 119 hội nghị truyền thông, tập huấn đã được tổ chức, thu hút 9.510 người tham gia, trong đó: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1 đã tổ chức 86 hội nghị với 8.067 người tham gia, lắp đặt 434 bảng thông tin và in ấn 12.000 sổ tay pháp luật về TGPL. Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 2 đã tổ chức 33 hội nghị với 1.533 người tham gia, lắp đặt 186 bảng thông tin và in ấn 1.500 sổ tay pháp luật về TGPL.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai hoạt động TGPL trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế như: nguồn kinh phí cấp cho hoạt động TGPL chưa kịp thời và chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu hoạt động tại các địa bàn; mặt bằng dân trí ở một số nơi còn hạn chế, ảnh hưởng đến quá trình triển khai; vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương đôi lúc chưa thực sự quan tâm đúng mức đến hoạt động trợ giúp pháp lý nên trong quá trình triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch còn gặp khó khăn.

(Xem tiếp trang 17)

Cần quan tâm hơn việc thanh toán chế độ thù lao cho hòa giải viên ở cơ sở

■ PHƯỚC NGHĨA

Thù lao cho hòa giải viên ở cơ sở là một khoản tiền mà Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chi trả cho hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ việc hòa giải, khi vụ việc hòa giải đó đã kết thúc theo quy định tại Điều 23 Luật Hòa giải ở cơ sở. Đây là một trong những quyền được quy định cụ thể tại khoản 5 Điều 9 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.



Hòa giải viên tham gia giải quyết tình huống tại Hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật

Cụ thể hóa quyền này, ngày 27/02/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, theo đó, tại Điều 13 của Nghị định quy định có hai khoản hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải và hòa giải viên trong đó có nội dung “Chi thù lao cho hòa giải viên theo vụ, việc”. Đồng thời tại Điều 14, Điều 15 của Nghị định cũng quy định về điều kiện, thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên, cụ thể như sau:

- Về điều kiện được hưởng thù lao theo vụ, việc của hòa giải viên:

Thứ nhất: Vụ, việc được tiến hành hòa giải và đã kết thúc theo quy định tại Điều 23 của Luật Hòa giải ở cơ sở.

Thứ hai: Hòa giải viên không vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 10 của Luật Hòa giải ở cơ sở.

- Về thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên

Tổ trưởng tổ hòa giải lập hồ sơ đề nghị thanh toán thù lao cho hòa giải viên, bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán thù lao của hòa giải viên có ghi rõ họ, tên, địa chỉ của hòa giải viên; tên, địa chỉ tổ hòa giải; số tiền đề nghị thanh toán; nội dung thanh toán

(có danh sách các vụ, việc trong trường hợp đề nghị thanh toán thù lao cho nhiều vụ, việc); chữ ký của hòa giải viên; chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải và xuất trình Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở để đối chiếu khi cần thiết.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định và trả thù lao cho hòa giải viên thông qua tổ hòa giải; trường hợp quyết định không thanh toán cho hòa giải viên thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Tổ hòa giải trả thù lao cho hòa giải viên theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thù lao.

- Về nội dung chi và mức chi:

Trước đây, tại khoản 19, Điều 4 của Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở quy định: “19. Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): Mức chi tối đa 200.000 đồng/vụ, việc/tổ hòa giải”. Từ ngày 06/10/2023, Thông tư này đã được thay thế bởi Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác

phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

Theo đó, tại điểm a, khoản 17, Điều 3 Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 quy định: “a. Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): 300.000 đồng/vụ, việc. Trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở: 400.000 đồng/vụ, việc”. Như vậy, mức chi thù lao cho hòa giải viên ở cơ sở hiện nay tăng so với trước đây.

Mặc dù Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP và Thông tư số 56/2023/TT-BTC đã quy định cụ thể, rõ ràng mức chi thù lao cho hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ việc hòa giải nhưng thực tế hiện nay, một số địa phương chưa thực hiện chi thù lao hoặc có thực hiện nhưng mức chi còn quá thấp so với quy định. Điều này, một phần do ngân sách của các địa phương còn hạn hẹp nhưng một phần do sự quan tâm của chính quyền địa phương cho công tác hòa giải ở cơ sở ở một số nơi chưa tương xứng với vai trò của công tác hòa giải ở cơ sở. Báo cáo Thống kê năm 2024 của tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị (cũ), từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, các tổ hòa giải trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 1.105 vụ việc, tiến hành hòa giải thành 873 vụ việc, hòa giải không thành 224 vụ việc

và chưa giải quyết xong là 8 vụ việc, tuy nhiên, các địa phương thực hiện chi cho thù lao hòa giải là 102.620.000đ, mức chi này đáp ứng được khoảng ¼ so với mức chi quy định của Thông tư số 56/2023/TT-BTC.

Hòa giải ở cơ sở là một trong những hình thức giải quyết tranh chấp giữa các bên được pháp luật công nhận. Thông qua hoạt động Hòa giải ở cơ sở đã góp phần giữ gìn, duy trì đoàn kết trong nội bộ Nhân dân; củng cố, phát huy tinh cảm và đạo lý truyền thống tốt đẹp trong gia đình, cộng đồng; phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong quản lý xã hội; góp phần tích cực trong việc giảm áp lực cho các cơ quan Nhà nước, cơ quan tư pháp; hạn chế đơn thư khiếu nại, tố cáo, nhất là khiếu nại vượt cấp, kéo dài. Với vai trò quan trọng của hoạt động hòa giải ở cơ sở, bên cạnh các quyền như: được bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải; được cung cấp tài liệu liên quan đến hoạt động hòa giải ... thì quyền được hưởng chế độ thù lao là chính đáng, đúng quy định, vì vậy, thiết nghĩ chính quyền địa phương cơ sở phải có giải pháp thực thi để pháp luật đi vào cuộc sống cũng như kịp thời động viên, khích lệ cho những người làm công tác hòa giải ở cơ sở. □

Ghi nhận các quyền của công dân đối với dữ liệu cá nhân

■ LÊ MINH

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, dữ liệu cá nhân đã trở thành một tài sản quan trọng, liên quan trực tiếp đến quyền riêng tư và lợi ích hợp pháp của mỗi công dân. Quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân không chỉ là vấn đề pháp lý mà còn là yếu tố cốt lõi để đảm bảo an ninh con người trong kỷ nguyên số. Công dân có quyền được kiểm soát thông tin cá nhân của mình, từ việc thu thập, sử dụng đến chia sẻ dữ liệu, đồng thời có cơ chế để bảo vệ khi các quyền này bị xâm phạm. Đây là nền tảng để xây dựng một xã hội minh bạch, công bằng và tôn trọng quyền con người.

Qua thực tiễn triển khai công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân cho thấy, có một số tổ chức, doanh nghiệp thu thập thừa dữ liệu cá nhân so với ngành nghề, sản phẩm, dịch vụ kinh doanh, thiếu cơ sở pháp lý khi thu thập dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật, không xác định được các luồng xử lý dữ liệu (dữ liệu cá nhân được sử dụng như thế nào, vào mục đích gì, chuyển giao cho ai, tác động thế nào); nhiều hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân nhưng chưa được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu. Điều đó cho thấy, công dân

chưa biết cách tự bảo vệ, chưa biết cách khiếu kiện, phản đối, yêu cầu bồi thường thiệt hại khi có hành vi vi phạm pháp luật, xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới tình trạng trên là pháp luật chưa ghi nhận các quyền của công dân đối với dữ liệu cá nhân, nhận thức của chủ thể dữ liệu còn hạn chế, cơ chế thực thi bảo vệ các quyền công dân chưa được hoàn thiện⁽¹⁾.

Từ thực trạng nêu trên, ngày 26/6/2025, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng về bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; tạo sự đồng bộ, thống nhất, xuyên suốt của hệ thống pháp luật, phục vụ cuộc cách mạng đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; góp phần bảo đảm an ninh con người, chủ quyền dữ liệu trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Các quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân quy định trong Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân

năm 2025 được kế thừa từ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân để xác lập, công nhận các quyền của cá nhân đối với thông tin, dữ liệu của mình, phù hợp với thông lệ quốc tế và là nền tảng để thực hiện các cơ chế bảo vệ chủ thể dữ liệu cá nhân.

Theo đó, 06 quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân bao gồm:

- Được biết về hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân;
- Đồng ý hoặc không đồng ý, yêu cầu rút lại sự đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân;
- Xem, chỉnh sửa hoặc yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu cá nhân;
- Yêu cầu cung cấp, xóa, hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân; gửi yêu cầu phản đối xử lý dữ liệu cá nhân;
- Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến xử lý dữ liệu cá nhân thực hiện các biện pháp, giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh các quy định về quyền, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 có quy định mới về nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cá nhân để đảm bảo tính

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

cân bằng, tăng cường trách nhiệm của tất cả các bên liên quan đến dữ liệu cá nhân, trong đó có chủ thể dữ liệu cá nhân, bao gồm:

- Tự bảo vệ dữ liệu cá nhân của mình;
- Tôn trọng, bảo vệ dữ liệu cá nhân của người khác;
- Cung cấp đầy đủ, chính xác dữ liệu cá nhân của mình theo quy định của pháp luật, theo hợp đồng hoặc khi đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân của mình;
- Chấp hành pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và tham gia phòng, chống hoạt động xâm phạm dữ liệu cá nhân.

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 quy định chủ thể dữ liệu cá nhân khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình phải tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc:

- Thực hiện theo quy định của pháp luật; tuân thủ nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cá nhân theo hợp đồng. Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cá nhân phải nhằm mục đích bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chính chủ thể dữ liệu cá nhân đó;
- Không được gây khó khăn, cản trở việc thực hiện quyền, nghĩa vụ pháp lý của bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, bên xử lý dữ liệu cá nhân;
- Không được xâm phạm đến quyền, lợi ích

hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Ngoài ra, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, không được gây khó khăn, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật; khi nhận được yêu cầu của chủ thể dữ liệu cá nhân để thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân nêu trên, bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân phải kịp thời thực hiện trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Những quy định trên không chỉ giúp chủ thể dữ liệu nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ của mình mà còn tạo cơ sở pháp lý vững chắc để bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số. Việc thực thi hiệu quả Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 sẽ góp phần nâng cao ý thức cộng đồng, đồng thời khẳng định cam kết của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền riêng tư và an ninh thông tin của công dân. Đây là bước tiến quan trọng trong hành trình xây dựng một xã hội số an toàn, minh bạch và tôn trọng quyền con người. □

(1) Theo bài viết Dữ liệu cá nhân có thể không được mua, bán dưới mọi hình thức đăng trên Trang <https://lsvn.vn/du-lieu-ca-nhan-khong-duoc-mua-ban-duoi-moi-hinh-thuc-1727794791-a147903.html>

Kết quả...

(Tiếp theo trang 12)

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác TGPL trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn tiếp theo, các Bộ, ban ngành chủ quản Chương trình cần nghiên cứu, xây dựng thêm nhiều nội dung, phương pháp tiếp cận mới để tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ TGPL chất lượng cho người dân vùng nông thôn mới; phân bổ nguồn kinh phí của Chương trình ngay từ đầu năm để địa phương chủ động xây dựng kế hoạch triển khai kịp thời, đảm bảo đúng tiến độ giải ngân; tiếp tục quan tâm tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu cho cán bộ thực hiện chương trình; đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong TGPL thông qua các nền tảng như Zalo, Facebook, tích hợp vào ứng dụng VNeID...

Có thể nói, hoạt động TGPL trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sâu sát từ UBND tỉnh và Sở Tư pháp, đảm bảo triển khai đúng nội dung, đối tượng và hình thức tổ chức. Việc triển khai TGPL đến tận cơ sở đã góp phần nâng cao ý thức pháp luật của người dân, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và giảm thiểu các khiếu kiện trong các xã được triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, đã đóng góp tích cực vào việc nâng cao nhận thức và khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý của người dân. Trợ giúp pháp lý không chỉ là công cụ pháp lý mà còn là phần thiết yếu trong việc đảm bảo công bằng xã hội, xóa bỏ rào cản pháp lý và xây dựng niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền. Với sự chỉ đạo quyết liệt và phối hợp đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, hoạt động trợ giúp pháp lý trong Chương trình này được kỳ vọng sẽ ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả, đáp ứng kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. □

Sự cần thiết ban hành Luật Nhà giáo và các biện pháp để triển khai thực hiện có hiệu quả

■ TRẦN CÔNG TRUNG

Tại khoản 1 Điều 61 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “*Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài*”. Qua đó ta thấy được, giáo dục là quốc sách hàng đầu, là nền tảng cho sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Trong hệ thống giáo dục, nhà giáo đóng vai trò trung tâm, là người trực tiếp truyền thụ tri thức, rèn luyện nhân cách, định hình tương lai của thế hệ trẻ. Tuy nhiên, ở Việt Nam, trước ngày 16/6/2025 dù đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến giáo dục, tuy nhiên, một đạo luật riêng biệt và toàn diện về nhà giáo vẫn chưa được ban hành. Điều này đặt ra một câu hỏi lớn về sự cần thiết của Luật Nhà giáo, cũng như những biện pháp cụ thể để đưa đạo luật này vào thực tiễn, nhằm nâng cao vị thế, quyền lợi và trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo, góp phần xây dựng một nền giáo dục vững mạnh. Chính vì vậy, ngày 16/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, tại kỳ họp thứ 9 đã thông qua Luật Nhà giáo. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Đây là một sự kiện đánh dấu mốc

quan trọng cho sự ra đời một đạo luật riêng biệt đối với nhà giáo.

Việc ban hành Luật Nhà giáo là một yêu cầu cấp thiết xuất phát từ nhiều lý do, cả về mặt pháp lý, xã hội và thực tiễn. Có thể khái quát thành các yêu cầu cơ bản như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý về giáo dục. Trước đây, các quy định về nhà giáo đang nằm rải rác trong nhiều văn bản khác nhau như Luật Giáo dục, Luật Viên chức, Bộ luật Lao động, các nghị định của Chính phủ, các thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sự phân mảnh này dẫn đến việc khó khăn trong việc tra cứu, áp dụng và đôi khi còn có sự chồng chéo, mâu thuẫn. Luật Nhà giáo ra đời đã cụ thể hóa các quy định về nhà giáo, tạo thành một khung pháp lý hoàn chỉnh, nhất quán, minh bạch, dễ hiểu và dễ thực hiện. Điều này giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về nhà giáo, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho nhà giáo trong việc tìm hiểu và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Thứ hai, nâng cao vị thế và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhà giáo. Trong xã hội hiện đại, vai trò của nhà giáo ngày càng được đề cao. Tuy nhiên,

trên thực tế, đời sống của một bộ phận không nhỏ nhà giáo vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thu nhập chưa tương xứng với công sức và trách nhiệm. Các quy định của pháp luật trước đây chưa đủ mạnh để đảm bảo quyền lợi về lương, phụ cấp, chế độ đãi ngộ, bảo hiểm, và các chính sách an sinh xã hội khác cho nhà giáo một cách toàn diện. Luật Nhà giáo sẽ là cơ sở pháp lý vững chắc để cụ thể hóa các chính sách đãi ngộ đặc thù, đảm bảo quyền lợi chính đáng về vật chất và tinh thần cho nhà giáo, từ đó thu hút và giữ chân nhân tài gắn bó với nghề. Nó cũng sẽ có các quy định về bảo vệ nhà giáo khỏi các hành vi xúc phạm, bạo lực học đường và các áp lực không đáng có từ xã hội.

Thứ ba, quy định rõ ràng về tiêu chuẩn, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Nghề giáo là một nghề cao quý, đòi hỏi chuẩn mực cao về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và kỹ năng sư phạm. Tuy nhiên, các quy định trước đây về tiêu chuẩn nghề nghiệp, đạo đức nhà giáo vẫn còn mang tính chung chung, chưa đủ sức răn đe và các chế tài đối với những hành vi vi phạm tuy đã được quy định nhưng vẫn chưa đầy đủ. Luật Nhà giáo được ban

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

hành sẽ thiết lập một bộ tiêu chuẩn rõ ràng, chi tiết về trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức và các hành vi bị nghiêm cấm đối với nhà giáo. Điều này không chỉ giúp sàng lọc, nâng cao chất lượng đội ngũ, mà còn là cơ sở để xử lý các vi phạm, đảm bảo sự công bằng và chuyên nghiệp trong ngành giáo dục. Quy định về trách nhiệm nghề nghiệp cũng được cụ thể hóa, giúp nhà giáo ý thức rõ hơn về vai trò và nghĩa vụ của mình đối với học sinh, gia đình và xã hội.

Thứ tư, tạo động lực phát triển nghề nghiệp và nâng cao chất lượng giáo dục. Khi quyền lợi được đảm bảo, vị thế được nâng cao và trách nhiệm được quy định rõ ràng, nhà giáo sẽ có thêm động lực để cống hiến, tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Luật Nhà giáo quy định về chính sách tiền lương, đãi ngộ đối với nhà giáo; đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác quốc tế đối với nhà giáo. Qua đó, quy định các chính sách khuyến khích, hỗ trợ nhà giáo tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Điều này không chỉ giúp cải thiện năng lực cá nhân của nhà giáo mà còn tác động tích cực đến chất lượng giáo dục tổng thể, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Thứ năm, đảm bảo sự công bằng và minh bạch trong môi trường giáo dục. Luật Nhà giáo quy định cụ thể về việc đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật nhà giáo một cách khách quan, công bằng và minh bạch.

Điều này giúp tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh, khuyến khích sự cạnh tranh tích cực, tránh được các tiêu cực, cục bộ trong ngành. Ngoài ra, việc quy định rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của nhà giáo cũng giúp hạn chế các tranh chấp, khiếu nại phát sinh, góp phần xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa nhà giáo, học sinh, phụ huynh và nhà trường.

Việc ban hành Luật Nhà giáo mới chỉ là bước khởi đầu. Để đạo luật thực sự đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả, cần có một kế hoạch triển khai đồng bộ, toàn diện và quyết liệt. Trong đó, cần triển khai đồng bộ một số biện pháp sau:

Một là, xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành. Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026, vì vậy, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần khẩn trương xây dựng và ban hành các văn bản dưới luật như nghị định, thông tư, hướng dẫn chi tiết các điều khoản của Luật để đảm bảo có hiệu lực đồng thời với Luật. Các văn bản này cần cụ thể hóa các quy định chung, đưa ra các hướng dẫn rõ ràng về tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục liên quan đến nhà giáo (ví dụ: quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, chế độ tiền lương, phụ cấp, chính sách ưu đãi đặc thù...). Việc này cần được thực hiện nhanh chóng, tránh tình trạng Luật có hiệu lực nhưng chưa có văn bản hướng dẫn khiến việc áp dụng gặp khó khăn.

Hai là, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về Luật Nhà giáo. Theo đó, Luật Nhà giáo thực sự thấm nhuần trong mọi tầng lớp xã hội, đặc biệt là đội ngũ nhà

giáo, cán bộ quản lý giáo dục, học sinh, phụ huynh và toàn thể Nhân dân, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến bằng nhiều hình thức đa dạng và phong phú. Các hoạt động có thể bao gồm: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên sâu về Luật cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp, lãnh đạo các cơ sở giáo dục; tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho toàn thể nhà giáo về nội dung, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật; biên soạn tài liệu, sách mỏng, tờ rơi giới thiệu về Luật, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, website của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các sở, đăng tải trên nền tảng mạng xã hội như facebook, fanpage, zalo, tiktok ...; xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình, bài viết trên báo chí để phổ biến rộng rãi đến công chúng; đưa nội dung cơ bản của Luật vào chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho nhà giáo.

Ba là, bố trí nguồn lực tài chính và nhân lực. Việc triển khai Luật Nhà giáo sẽ đòi hỏi nguồn lực tài chính đáng kể để thực hiện các chính sách đãi ngộ, cải thiện điều kiện làm việc, đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo. Ngân sách nhà nước cần ưu tiên bố trí đủ nguồn lực cho các hoạt động này. Đồng thời, cần có kế hoạch về nhân lực để đảm bảo việc triển khai được thực hiện một cách hiệu quả, đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra. Việc huy động các nguồn lực xã hội hóa cũng cần được khuyến khích để cùng chung tay thực hiện.

(Xem tiếp trang 22)

Một số quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật và một số chính sách hỗ trợ khi có động vật bị tiêu hủy

■ THU HƯỞNG

Chăn nuôi là một trong những ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam, không chỉ mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người nông dân mà còn góp phần giải quyết việc làm tại chỗ và tận dụng hiệu quả nguồn thức ăn dư thừa từ các hoạt động nông nghiệp. Trong những năm qua, ngành chăn nuôi đã đáp ứng nhu cầu thực phẩm trong nước và tham gia vào thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, vấn đề an toàn thực phẩm và công tác phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi vẫn còn nhiều hạn chế, đòi hỏi sự chung tay của cả cộng đồng và sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật.

Để đảm bảo hiệu quả trong công tác phòng chống dịch bệnh động vật, Luật Thú y 2015 và các nghị định liên quan đã đưa ra những quy định cụ thể, đồng thời quy định rõ các mức xử phạt đối với hành vi vi phạm. Dưới đây là một số quy định quan trọng mà người chăn nuôi cần nắm rõ:

Tại khoản 1, Điều 19, Luật Thú y năm 2015 quy định: “*Chủ vật nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cá nhân hành*

nghe thú y khi phát hiện động vật mắc bệnh, chết, có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm phải báo ngay cho nhân viên thú y cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y nơi gần nhất”

Chủ vật nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cá nhân hành nghề thú y nếu có hành vi vi phạm công tác phòng chống dịch bệnh động vật sẽ bị xử phạt hành chính như sau:

Thứ nhất, phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi không chấp hành lấy mẫu để kiểm tra, xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y nơi gần nhất hoặc nhân viên thú y cấp xã khi phát hiện và biết động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, chết do bệnh truyền nhiễm.

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y kết quả xét nghiệm xác định động

vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch và Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người.

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vận chuyển hoặc vứt gia súc, gia cầm mắc bệnh, chết và sản phẩm của chúng ra môi trường.

(Theo khoản 1, 3, 4; điểm a, khoản 6 Điều 5 Nghị định số 90/2017/NĐ-CP)

Thứ hai, phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi khai báo không đúng số lượng, khối lượng động vật mắc bệnh, chết, sản phẩm động vật nhiễm bệnh phải tiêu hủy với mục đích trục lợi (theo điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị định số 90/2017/NĐ-CP)

Thứ ba, phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc phòng bệnh bằng vắc xin hoặc các biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật.

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Không tiêm phòng vắc xin phòng bệnh Đại cho động

vật bắt buộc phải tiêm phòng; không đeo rọ mõm cho chó hoặc không xích giữ chó, không có người dắt khi đưa chó ra nơi công cộng.

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi không thực hiện cách ly, chăm sóc, chữa bệnh cho động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, trừ trường hợp cấm chữa bệnh hoặc phải giết mổ, tiêu hủy bắt buộc.

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Không thực hiện việc giám sát dịch bệnh động vật tại cơ sở theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; không theo dõi, ghi chép quá trình phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật.

(Theo Điều 7 Nghị định số 90/2017/NĐ-CP, Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định số 90/2017/NĐ-CP)

Thứ tư, phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y khi chữa bệnh cho động vật trong ổ dịch, vùng có dịch.

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Chăn thả động vật mắc bệnh dịch ở các bãi chăn chung; không chấp hành việc sử dụng vắc xin hoặc các biện pháp phòng, chống dịch bắt buộc khác tại vùng có dịch.

(Theo khoản 1; điểm a, b khoản 2, Điều 8 Nghị định số 90/2017/NĐ-CP)

Thứ năm, phạt tiền từ 700.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Xử lý môi

trường không theo đúng hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y khi có dịch bệnh xảy ra; không thực hiện thu hoạch hoặc chữa bệnh đối với động vật thủy sản mắc bệnh hoặc khử trùng sau thu hoạch, tiêu hủy ổ dịch theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; thả mới hoặc thả bổ sung động vật thủy sản mắc bệnh hoặc mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch.

Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng động vật thủy sản để làm giống mang mầm bệnh hoặc mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch.

Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không xử lý môi trường khi có dịch bệnh xảy ra.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy động vật thủy sản đối với hành vi sử dụng động vật thủy sản để làm giống mang mầm bệnh hoặc mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch.

(Theo Điều 9 Nghị định số 90/2017/NĐ-CP)

Các mức phạt tiền nói trên là mức phạt tiền được áp dụng đối với hành vi vi phạm do cá nhân thực hiện. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Bên cạnh đó, Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng quy định hình phạt nghiêm khắc đối với các hành vi làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm, bao gồm cả phạt tiền lên đến hàng trăm triệu đồng và án tù từ 01 đến 12 năm tùy theo mức độ thiệt hại.

Khi dịch bệnh lây lan chủ vật

nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi phải thực hiện xử lý ổ dịch bệnh động vật trên cạn theo khoản 1 Điều 25 Luật Thú y như sau: Cách ly ngay động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh; không giết mổ, mua bán, vớt động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết, sản phẩm động vật mang mầm bệnh ra môi trường; thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, tiêu hủy, giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; cung cấp thông tin chính xác về dịch bệnh động vật theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y và nhân viên thú y cấp xã; chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Để kịp thời hỗ trợ cơ sở sản xuất có động vật tiêu hủy khi có dịch, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025. Theo đó mức hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất được quy định cụ thể tại Điều 6 như sau:

1. Đối với cơ sở sản xuất động vật trên cạn: Trâu, bò, ngựa, dê: 50.000 đồng/kg hơi; Cừu, hươu sao: 55.000 đồng/kg hơi; Lợn: 40.000 đồng/kg hơi; Gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu: 35.000 đồng/kg hơi; Chim cú: 20.000 đồng/kg hơi; Đà điểu: 50.000 đồng/kg hơi; Trứng gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu, chim cú, đà điểu): 20.000 đồng/kg.

2. Đối với cơ sở sản xuất động vật thủy sản: Tôm hùm giống: 10.000 đồng/con; Tôm giống (tôm thẻ chân trắng, tôm

sú) từ giai đoạn hậu ấu trùng Postlarvae 12 trở lên: 10.000.000 đồng/01 triệu con; Cá giống (cá biển, cá tra, cá truyền thống, cá rô phi, cá nước lạnh): 10.000 đồng/kg; Diện tích nuôi tôm sú quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp): 9.000.000 đồng/ha; Diện tích nuôi tôm sú (bán thâm canh, thâm canh): 12.000.000 đồng/ha; Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng: 20.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ 50 - 100 con/m²); 30.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ trên 100 - 250 con/m²); 50.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ trên 250 con/m²);

Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa: 10.000.000 đồng/ha; Diện tích nuôi cá tra thâm canh: 50.000.000 đồng/ha; Diện tích nuôi cá rô phi thâm canh: 30.000.000 đồng/ha; Cá nước lạnh (tầm, hồi) nuôi thâm canh: 20.000 đồng/kg; Thủy sản nước ngọt nuôi lồng, bè: 5.000 đồng/kg; Hải sản nuôi lồng, bè: 10.000 đồng/kg.

Công tác phòng chống dịch bệnh động vật không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước mà còn đòi hỏi sự chủ động và ý thức tuân thủ pháp luật của mỗi người dân, đặc biệt là các chủ vật nuôi và

cơ sở chăn nuôi. Việc nắm vững và thực hiện đúng các quy định không chỉ giúp bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường mà còn góp phần phát triển bền vững ngành chăn nuôi. Đồng thời, Nhà nước cũng đã có những chính sách hỗ trợ kịp thời cho các cơ sở bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thể hiện sự đồng hành và chia sẻ khó khăn với người dân. Hy vọng rằng, với sự chung tay của toàn xã hội, công tác phòng chống dịch bệnh động vật sẽ ngày càng hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng và giá trị của ngành chăn nuôi Việt Nam. □

Sự cần thiết...

(Tiếp theo trang 19)

Bốn là, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục từ trung ương đến địa phương cần chủ động xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để tổ chức thực hiện Luật. Cần có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng cho các đơn vị, cá nhân trong quá trình triển khai.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật cần được tiến hành thường xuyên, định kỳ và đột xuất để kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập, sai phạm và có biện pháp xử lý kịp thời. Các cơ quan thanh tra, kiểm tra giáo dục cần tăng cường năng lực, nghiệp vụ để thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Cần có cơ chế tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của nhà giáo, học sinh, phụ huynh và xã hội về việc thực hiện Luật để kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện.

Năm là, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo. Theo đó, Luật Nhà giáo cần đi kèm với các chính sách mạnh mẽ về đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực sư phạm và phẩm chất đạo đức của nhà giáo. Các chương trình đào tạo tại các trường sư phạm cần được rà soát, cập nhật

để phù hợp với các tiêu chuẩn mới của Luật. Cần có các chương trình bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng theo chuyên đề, bồi dưỡng về kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy cho nhà giáo.

Sáu là, xây dựng cơ chế đánh giá, khen thưởng, kỷ luật minh bạch. Để Luật thực sự phát huy tác dụng, cần xây dựng một hệ thống đánh giá nhà giáo dựa trên các tiêu chí rõ ràng, khách quan, công bằng và minh bạch. Việc khen thưởng, biểu dương những nhà giáo có thành tích xuất sắc cần được thực hiện kịp thời, xứng đáng. Đồng thời, các quy định về xử lý kỷ luật đối với các hành vi vi phạm đạo đức, quy định nghề nghiệp cần được áp dụng nghiêm minh, công bằng, mang tính răn đe.

Việc ban hành Luật Nhà giáo là một dấu mốc quan trọng, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với đội ngũ những người làm công tác giáo dục. Đạo luật này không chỉ là công cụ pháp lý để bảo vệ quyền lợi, nâng cao vị thế và quy định trách nhiệm của nhà giáo mà còn là động lực mạnh mẽ để xây dựng một đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, tâm huyết với nghề, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh hội nhập quốc tế và đáp ứng thời kỳ mới - thời kỳ kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. □

Công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị sau khi chính quyền địa phương hai cấp đi vào hoạt động

■ PHƯƠNG NHUNG

Từ khi Luật Hòa giải ở cơ sở có hiệu lực thi hành (01/01/2014) đến nay, công tác hòa giải ở cơ sở tiếp tục phát huy vai trò trong việc hòa giải các tranh chấp, mâu thuẫn nhỏ trong cộng đồng dân cư, góp phần giữ gìn, duy trì đoàn kết trong nội bộ Nhân dân; củng cố, phát huy tình cảm và đạo lý truyền thống tốt đẹp trong gia đình, cộng đồng; phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Chỉ tính riêng năm 2024, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (cũ) và tỉnh Quảng Trị (cũ) đã hòa giải thành 881 vụ việc/1.105 vụ việc tiếp nhận, chiếm tỷ lệ 79,7%. Có được kết quả đó ngoài sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp thì phải kể đến sự hoạt động miệt mài, nhiệt tình, tâm huyết của 13.480 hòa giải viên thuộc 1.982 Tổ hòa giải trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về

việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025, tỉnh Quảng Trị (mới) đã nhanh chóng kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương để thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đối với lĩnh vực hòa giải ở cơ sở, từ ngày 01/7/2025, khi không còn chính quyền cấp huyện, ngoài trách nhiệm được quy định tại Điều 29 Luật Hòa giải ở cơ sở, tại Điều 18 Nghị định 120/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp đã quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở như sau:

“1. Việc hướng dẫn lồng ghép thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở vào xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, làng, bản, ấp, cụm dân cư; cung cấp thông tin miễn phí về chính sách, pháp luật liên quan cho tổ chức, cá nhân được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi là Nghị định số 15/2014/NĐ-CP); xem xét, quyết định khen thưởng tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp, hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở của xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở tại địa phương, hỗ trợ tài liệu, phổ biến pháp luật phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở cho cá nhân quy định tại Điều 2 của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP; đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp, hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở của xã, phường, đặc khu khi cần thiết; xem xét, quyết định hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải được quy định tại Điều 18 của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.”

Đồng thời, ngày 16/6/2025,

Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 09/2025/TT-BTP hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp; trong đó tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 09/2025/TT-BTP quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp trong tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực hòa giải ở cơ sở gồm: Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án về hòa giải ở cơ sở và tổ chức thực hiện sau khi các chương trình, kế hoạch, đề án được ban hành; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên tại địa phương theo quy định pháp luật; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở tại địa phương... và khoản 5 Điều 13 Thông tư số 09/2025/TT-BTP quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trong tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở gồm: Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành chương trình, kế hoạch hòa giải ở cơ sở và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch được ban hành; tổ chức các hoạt động truyền thông công tác

hòa giải ở cơ sở, gương hòa giải viên giỏi, các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong công tác này; hướng dẫn hoạt động đối với tổ hòa giải ở cơ sở; tổ chức xây dựng mô hình hiệu quả về hòa giải ở cơ sở theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; xem xét, quyết định hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải theo quy định pháp luật; xây dựng, tập huấn, quản lý và sử dụng có hiệu quả đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở theo quy định pháp luật.

Theo đó, trước và sau khi chính quyền hai cấp đi vào hoạt động, để không làm gián đoạn hoạt động của địa phương và để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước đối với công tác hòa giải ở cơ sở có hiệu quả, Sở Tư pháp đã kịp thời nắm bắt, tổng hợp một số khó khăn, vướng mắc như: Việc bầu, kiện toàn Tổ hòa giải, hòa giải viên mới; sử dụng mẫu Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở; tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; việc thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030” ban hành theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 17/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên... để từ đó, Sở Tư pháp ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện, trong đó đã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã tập trung thực hiện một

số nội dung dưới đây:

- Tiếp tục bám sát, triển khai có hiệu quả Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 17/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024-2030” và các văn bản hướng dẫn, triển khai nhiệm vụ có liên quan đến công tác hòa giải ở cơ sở.

- Đối với hoạt động của Tổ hòa giải, trước mắt trong thời gian chưa thực hiện bầu, kiện toàn Tổ hòa giải, hòa giải viên mới thì Tổ hòa giải, hòa giải viên của thôn, tổ dân phố cũ vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ hòa giải trên địa bàn. Quá trình thực hiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội, dân số của xã, phường, đặc khu sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã để quyết định số lượng tổ hòa giải ở cơ sở trên địa bàn, số lượng hòa giải viên trong một tổ hòa giải và tổ chức việc bầu hòa giải viên để kiện toàn tổ hòa giải, hòa giải viên theo quy định của pháp luật.

(Xem tiếp trang 27)

Một số kinh nghiệm lựa chọn nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

■ ThS. PHAN THỊ PHƯƠNG HUYỀN,
ThS. NGUYỄN HOÀNG LÊ KHANH⁽¹⁾

Việc lựa chọn nội dung và hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là công việc đòi hỏi sự tinh tế và hiểu biết sâu sắc về văn hóa, phong tục tập quán của từng dân tộc. Để đảm bảo tính hiệu quả và khả thi cần lưu ý một số vấn đề cụ thể như sau:

* Đối với việc lựa chọn nội dung PBGDPL

Thứ nhất, nội dung PBGDPL cần khai thác những mặt tích cực, tinh hoa và phù hợp với văn hóa, phong tục, tập quán của các dân tộc thiểu số

Mỗi một dân tộc đều có phong tục, tập quán riêng nên hầu như các dân tộc thiểu số vẫn có thói quen sử dụng hệ thống luật tục. Trong đời sống, đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn tồn tại nhiều tập tục, hủ tục lạc hậu gây ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của bà con như: hiện tượng để người chết lâu ngày, các nghi thức mai táng lạc hậu; ma chay, cưới hỏi thường mổ trâu, mổ lợn ăn uống linh đình dài ngày gây tốn kém; hiện tượng tảo hôn và thách cưới

vẫn còn xảy ra; khi có người ốm không đưa ngay vào các trung tâm y tế mà còn nghe theo, tin theo thầy cúng, thầy mo gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người bệnh; thói quen đốt rừng làm nương rẫy... Một số phong tục đã trở thành luật tục, ăn sâu bám rễ, đi ngược lại tinh thần pháp luật, có ảnh hưởng hơn cả pháp luật.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, cũng có những phong tục, tập quán tích cực, ảnh hưởng rất lớn đến việc củng cố niềm tin vào pháp luật, nâng cao nhận thức pháp luật, cũng như việc cư xử theo pháp luật của người dân. Thực tiễn cho thấy, dù chưa được công nhận là nguồn của các dân tộc thiểu số vẫn tồn tại với tính hợp lý của nó, cùng tham gia điều chỉnh các quan hệ xã hội, đặc biệt là trong đời sống dân sự. Trong nhận thức của người dân hiện nay đã có sự ảnh hưởng tư tưởng luật tục và hình thành những thói quen ứng xử hỗn hợp. Do đó, khi PBGDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số cần thực hiện song song các chính sách, quy định của pháp luật với giáo dục tri

thức, tinh hoa của luật tục, văn hóa, phong tục tập quán của từng cộng đồng dân tộc thiểu số, các dân tộc⁽²⁾.

Ví dụ: Khi xây dựng nội dung PBGDPL cần lưu ý đến các quan niệm truyền thống về quyền lợi, nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình, làng xã hay vai trò của phụ nữ, trẻ em trong các cộng đồng.

Thứ hai, nội dung PBGDPL đảm bảo tính dễ hiểu, dễ tiếp cận và có tính thời sự

Nội dung PBGDPL phải gần gũi, thiết thực, có liên quan mật thiết với đời sống của đồng bào DTTS&MN và phải được chuyển tải bằng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu, tránh sử dụng thuật ngữ pháp lý phức tạp. Đặc biệt, nếu có sự khác biệt về ngôn ngữ (như nhiều đồng bào dân tộc thiểu số nói tiếng mẹ đẻ), cần dịch nội dung sang tiếng dân tộc để người dân có thể tiếp cận. Mặt khác, trong quá trình tuyên truyền PBGDPL cần phải kết hợp lồng ghép việc “lắng nghe” ý kiến của đồng bào dân tộc thiểu số để kịp thời giải thích, hướng dẫn giúp bà con đồng bào dân tộc thiểu số

hiểu đúng quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, qua đó, tạo không khí cởi mở, gần gũi hơn trong buổi tuyên truyền, PBGDPL.

Ví dụ: đối với địa phương thường xuyên xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật, tội phạm về ma túy, buôn bán phụ nữ qua biên giới cần lựa chọn quy định của BLHS, Luật xử lý vi phạm hành chính... để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho người dân hoặc những địa phương xảy ra tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết cần lựa chọn quy định trong Luật Hôn nhân và Gia đình, những tác hại của việc kết hôn cận huyết... để tuyên truyền, phổ biến.

Công tác PBGDPL cho vùng đồng bào DTTS & MN chủ thể PBGDPL không chỉ đóng vai trò cung cấp, định hướng thông tin chính thống về chính sách, pháp luật mà qua đó còn nắm bắt tâm tư, tình cảm, củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương.

* Đối với việc lựa chọn hình thức PBGDPL

Thứ nhất, trong quá trình sử dụng các hình thức PBGDPL cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số nên phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng. Mỗi người trong cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số có thể có

vị trí, chỗ đứng khác nhau, có những người là già làng, trưởng bản; có những người là trưởng tộc, đứng đầu một dòng họ; có những người đã, đang tham gia làm cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị ở địa phương... là những người có uy tín trong cộng đồng, trong hoạt động PBGDPL cho vùng đồng bào DTTS&MN cần chú ý tới đối tượng này bởi họ là những người có ảnh hưởng lớn trong cộng đồng, có thể đào tạo, bồi dưỡng họ trở thành những tuyên truyền viên pháp luật trong chính cộng đồng họ cư trú. Điều này phù hợp với quy định của Luật PBGDPL năm 2012: *"Nhà nước có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ người làm công tác PBGDPL, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tham gia PBGDPL tại địa phương; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tình nguyện PBGDPL cho người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa..."*; đồng thời, cũng phù hợp với Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, thường xuyên đổi mới hình thức PBGDPL gắn với vận động đồng bào dân tộc thiểu số chấp hành pháp luật, hướng hoạt động PBGDPL về cơ sở, trong đó tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước chuyển đổi số trong

công tác PBGDPL cho nhân dân nói chung, cho đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng.

Thứ ba, để đạt được hiệu quả cao trong công tác tuyên truyền, PBGDPL cần kết hợp linh hoạt các hình thức tuyên truyền như: cấp phát ấn phẩm sách, báo, tạp chí, tờ rơi, tờ gấp tại chỗ và thực hiện trợ giúp pháp lý cho đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý miễn phí sau mỗi buổi tuyên truyền. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, PBGDPL cần được triển khai đồng bộ với các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội, ổn định đời sống vật chất của Nhân dân. Bởi, tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo ở vùng đồng bào DTTS&MN khá cao, đời sống kinh tế khó khăn đã ảnh hưởng đến ý thức chấp hành pháp luật của bà con nhân dân (cụ thể như số lượng thanh thiếu niên vi phạm pháp luật và số vụ mâu thuẫn, bạo lực trong gia đình có xu hướng gia tăng...). Vì vậy, công tác PBGDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số miền núi không đơn thuần là một hoạt động chung chung, mà gắn liền với từng hộ gia đình, từng người dân đang sinh sống tại địa phương; và công tác này không chỉ dừng lại ở việc giới thiệu, truyền tải kiến thức pháp luật cho bà con mà còn gắn liền với hỗ trợ giải quyết các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách, cải thiện cuộc sống.

Thứ tư, với đặc điểm địa hình đồi núi khó đi lại, đồng bào dân tộc thiểu số miền núi lại thường sống cách xa nhau, việc tập hợp tham dự các buổi tuyên truyền

tập trung không thuận tiện. Do đó, trong hoạt động PBGDPL cần có sự phối, kết hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan như: lực lượng Công an, Bộ đội biên phòng, đặc biệt là UBND các cấp và lực lượng tuyên truyền viên, hòa giải viên triển khai giải pháp “đến từng nhà, gặp từng người”. Theo đó, các các bộ, người thực hiện công tác tuyên truyền sẽ đến từng hộ gia đình để có thể tuyên truyền, vận động, giải thích trực tiếp cho người dân hiểu các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hiểu được quyền, nghĩa vụ cơ bản của mình.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức PBGDPL phù hợp là yếu tố quan trọng để nâng cao nhận thức pháp luật cho đồng bào DTTS&MN. Bằng cách kết hợp nhiều hình thức, tận dụng nguồn lực và sự tham gia của cộng đồng, chúng ta có thể góp phần xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. □

(1) Giảng viên Trường Cao đẳng Luật miền Trung

(2) Lò Châu Thòa, *Một số vấn đề lý luận về PBGDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số*, Tạp chí Dân chủ pháp luật (2022) tr.14

Công tác...

(Tiếp theo trang 24)

- Rà soát, tổng hợp số lượng Tổ hòa giải, hòa giải viên, Tổ trưởng Tổ hòa giải hiện đang hoạt động trên địa bàn; khảo sát nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ hòa giải viên để đề xuất nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về Sở Tư pháp.

- Các Tổ hòa giải tiếp tục sử dụng mẫu Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở theo mẫu quy định tại Quyết định số 889/QĐ-BTP ngày 21/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp với tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã mới cho phù hợp. Trong trường hợp có nhu cầu sử dụng Sổ, các địa phương tổng hợp, đăng ký số lượng Sổ cần sử dụng qua Sở Tư pháp để Sở in ấn, cấp phát.

- Thực hiện tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở theo quy định.

- Tiếp tục quan tâm, bố trí kinh phí hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở; trong đó, quan tâm thanh toán kịp thời thù lao cho hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ việc hòa giải theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 3 Thông tư số 56/2023/TT-BTC.

Cùng với việc hướng dẫn trên, Sở Tư pháp đã và đang triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để tăng cường công tác quản lý và đẩy

mạnh hoạt động hòa giải ở cơ sở như: rà soát, xây dựng lại dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới) và xây dựng các quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã để trình UBND tỉnh phê duyệt; thống kê, nắm bắt số lượng Tổ hòa giải, hòa giải viên, Tổ trưởng Tổ hòa giải của toàn tỉnh; xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ hòa giải viên theo Chương trình khung bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải cho hòa giải viên ở cơ sở được ban hành theo Quyết định số 2372/QĐ-BTP ngày 18/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; hướng dẫn các địa phương khai thác, sử dụng “Bộ hỏi đáp về công tác tư pháp tại chính quyền địa phương 02 cấp” trên Cổng Pháp luật quốc gia nhằm hướng dẫn, giải đáp khó khăn, vướng mắc của các địa phương khi thực hiện các nhiệm vụ phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực tư pháp v.v...

Với những giải pháp, nhiệm vụ đặt ra trong công tác hòa giải ở cơ sở trong giai đoạn đầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp và sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành, sự ủng hộ của đảng viên, cán bộ, công chức, Nhân dân, tin tưởng rằng công tác hòa giải ở cơ sở của tỉnh Quảng Trị trong thời gian tới sẽ thu được nhiều kết quả tích cực; góp phần tăng cường trật tự, kỷ cương, ngăn ngừa có hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật; giữ vững ổn định tình hình chính trị, an ninh trật tự trên địa bàn. □

ĐỌC BÀI “DÂN VẬN KHÉO” CỦA BÁC

Sáng hôm nay đọc trang báo Đảng
Lòng bồi hồi như chạm lời xưa
Đầu năm tháng đời qua gió bão
Càng vững tin giữa nhịp sống bây giờ

Suốt cuộc đời chẳng thể nào quên
Câu ca dao Bác từng răn dạy:
“Để trăm lần không dân cũng chịu
Khó vạn lần dân liệu cũng xong”

Nay đọc lại từng dòng sâu đậm
Bài “Dân vận” sáng mãi niềm tin
Giữa đổi mới, hội nhập, cải cách
Lời Bác còn vọng mãi giữa bình minh

Giờ là lúc sắp xếp các tỉnh thành
Chính quyền hai cấp sát làng thôn, bản
Càng phải sâu, càng nên sát gốc
Chớ để dân còn những lo toan

Thời chiến tranh, gian lao vạn nẻo
Nhờ sức dân như nước lớn dâng
Thời hòa bình, lại càng khôn khéo
Giữ niềm tin từng xóm dân làng

Không hô hào, không câu chữ rỗng
Không thể thay bằng mệnh lệnh suông
Mỗi công văn đi cùng ánh mắt
Một lần gần gũi giữa phố – phường

Đường phía trước còn bao thử thách
Cải cách ra sao vẫn cốt ở lòng dân
Từ đồng bằng đến miền biên viễn
Tai lắng nghe, chân bước sát dân gần

Lại nhớ Bác – từng câu, từng chữ
Bài “Dân vận” vẫn sáng bừng năm xưa
Giữa thời mới, càng thêm sâu sắc
Gắn cuộc đời với ý Đảng – lòng Dân

THU HƯƠNG

NHỚ NGÀY ĐỘC LẬP

Quang lộng thu về chạnh nhớ dáng thu xưa
Hoa nắng lung linh trời Ba Đình lịch sử
Bác đứng giữa mênh mông cờ sao bay rực rỡ
Gió quện tiếng Người vọng muôn thuở thiêng liêng
Độc Lập tự do dân nước Việt lập quyền
Vang bốn cõi những lời truyền bất hủ
Tóc Bác bay vờn hoa ngời cờ đỏ
Hạnh phúc dâng trào từ muôn triệu con tim
Thời gian trôi lời hịch vẫn còn nguyên
Luôn rực lửa thép tôi bền chí Đảng
Dân tộc kiên cường diệt kẻ thù tàn ác
Thống nhất non sông xây nước thịnh dân quyền
Mừng Đảng mình học tập Bác thường xuyên
Mừng dân ta làm theo lời Bác dạy
Người tử tế tẩy chay bè phá hoại
Xây nước nhà cường thịnh với tương lai.

TRỊNH TRỌNG TÝ

ĐẤT NƯỚC TIẾN LÊN

*M*ừng đất nước vào kỷ nguyên mới.
Mừng quê hương pháp phối cờ bay.
Tám mươi năm ấy chung tay.
Tiến theo cờ Đảng dựng xây cơ đồ.
Vâng theo lời dạy Bác Hồ.
Việt Nam sánh bước bạn bè 5 châu.
Trãi qua mưa nắng dãi dầu.
Dựng xây đất nước mạnh giàu tiến lên.

LÊ HUẤN

VỀ THĂM THÀNH CỔ

*T*ôi lại về Thành Cổ chiều nay
Sông Thạch Hãn xanh đôi bờ sóng vỗ
Nắng tháng sáu chang chang rực rỡ
Gió miên man tràn tới từ phía rừng

Mỗi bước chân, lòng tôi cứ rung rung
Nhớ ngày ấy đồng đội tôi ngã xuống
Những Thanh, những Hà, những Đồng,
những Tường...
Sắc mặt ai cũng tươi trẻ, hồn nhiên

Bom đạn thù 81 ngày đêm
Tung lại lấp, lấp lại tung, tươi tả...

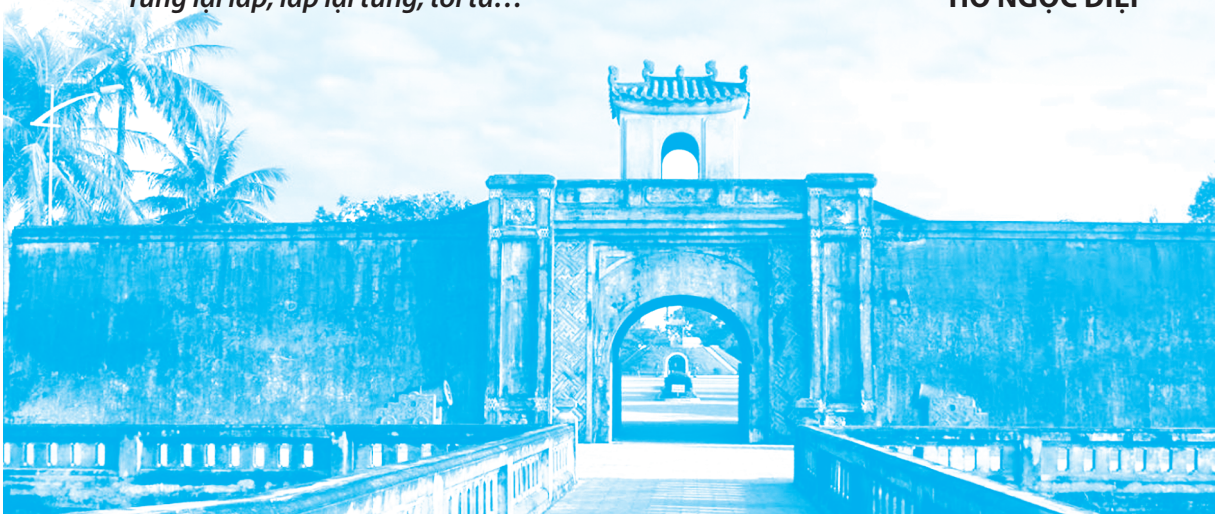
*M*ỗi tấc đất, thấm mỗi bầu máu đỏ
Bom đạn phăm từng ngọn cỏ, mầm cây

*H*ồn các anh còn bàng lảng đâu đây
Nghe trong gió, như có lời tha thiết
Hỡi các anh, những người con không
chết

*M*áu xương mình tô thắm lá cờ bay

*T*ổ quốc mình diệu vợ hôm nay
Bởi anh hùng bao lớp người ngã xuống
Và Thành Cổ, tấm huân chương rực sáng
Sẽ trường tồn trong mãi mãi muôn sau.

HỒ NGỌC DIỆP



Câu 1: Ông Lê Văn Bình (Bắc Trạch, Quảng Trị) hỏi: Quy định của pháp luật hiện hành về trình tự, thủ tục thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội (*Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025*), trình tự, thủ tục thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội như sau:

1. Trình tự, thủ tục thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị trợ cấp hưu trí xã hội có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua tổ chức bưu chính hoặc trên môi trường mạng đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố nơi cư trú (sau đây gọi chung là cấp xã);

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, thực hiện xác thực và chuẩn hoá thông tin liên quan của người đề nghị trợ cấp hưu trí xã hội với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, quyết định và thực hiện chi trả trợ cấp hưu trí xã hội cho người đề nghị theo quy định pháp luật. Thời gian hưởng chế độ trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng tính từ tháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký quyết định;

Trường hợp người đề nghị không đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

2. Trường hợp đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thay đổi nơi cư trú đề nghị được nhận chế độ trợ cấp hưu trí xã hội ở nơi cư trú mới (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cũ quyết định thôi chi trả trợ cấp

hưu trí xã hội tại địa bàn và có văn bản gửi kèm theo giấy tờ có liên quan của người đề nghị đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú mới của người đề nghị.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú mới căn cứ giấy tờ liên quan của người đề nghị, xem xét quyết định tiếp tục trợ cấp hưu trí xã hội và thực hiện chi trả trợ cấp hưu trí xã hội từ tháng thôi chi trả tại nơi cư trú cũ.

3. Trường hợp đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội bị chết hoặc không còn đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Điều 2 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội. Thời gian thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội từ tháng sau liền kể tháng đối tượng chết hoặc không đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

Câu 2: Ông Nguyễn Tiến Cường (Lệ Ninh, Quảng Trị) hỏi: Quy định của pháp luật hiện hành về mức bồi dưỡng, hỗ trợ đối với người được huy động, người tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ?

Trả lời: Tại Điều 32 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (*Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025*) quy định mức bồi dưỡng, hỗ trợ đối với người được huy động, người tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ như sau:

1. Người không thuộc lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi được huy động, khi tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được hưởng tiền bồi dưỡng như sau:

a) Nếu thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ dưới 02 giờ được hưởng tiền bồi dưỡng tối thiểu bằng 0,3 ngày lương tối thiểu vùng;

b) Nếu thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ từ 02 giờ đến dưới 04 giờ được hưởng tiền bồi dưỡng tối thiểu bằng 0,45 ngày lương tối thiểu vùng;

(Xem tiếp trang 44)

TIN HOẠT ĐỘNG

Tọa đàm “Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 và những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới”

Vừa qua, Bộ Tư pháp tổ chức Tọa đàm “Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 và những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới” thông qua hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến, dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Ngọc và Cục trưởng Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý Lê Vệ Quốc. Tại điểm cầu Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị do đồng chí Trương Quang Sáng, Phó Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì; tham dự có Lãnh đạo và chuyên viên Phòng phổ biến giáo dục pháp luật và Theo dõi thi hành pháp luật; đại diện lãnh đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1.

Phát biểu khai mạc Tọa đàm, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Ngọc nhấn mạnh, Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” là một trong những nghị quyết rất quan trọng. Trong đó, có nhiệm vụ đặt ra là phải tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội. Đa dạng hóa phương thức truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật. Hơn 12 năm triển khai, Luật PBGDPL năm 2012 đã đạt được nhiều kết quả nổi bật. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu đổi mới, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, công tác PBGDPL cần được đổi mới toàn diện cả về tư duy, nội dung và hình thức. Mục tiêu là đưa pháp luật đến được với mọi đối tượng, nâng cao nhận thức và từng bước hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật trong toàn xã hội. Để có cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm triển khai hiệu quả nhiệm vụ này, đồng thời góp phần sửa đổi Luật PBGDPL đạt kết quả cao, Bộ Tư pháp đã tổ chức nhiều tọa đàm để nhận diện những điểm nghẽn, bất cập trong quá trình thực thi. Tại Tọa đàm, Thứ trưởng mong muốn các chuyên gia, nhà khoa học, lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương

từ thực tiễn công tác cho ý kiến, thảo luận để nhận diện rõ những bất cập hiện nay trong Luật PBGDPL; góp ý cụ thể vào các nhóm vấn đề cần nghiên cứu sửa đổi, trong đó nhóm vấn đề chung như phạm vi, đối tượng, nguyên tắc áp dụng; rà soát sự phù hợp giữa Luật PBGDPL và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) hiện hành; các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về PBGDPL, như phân định trách nhiệm, phân cấp, phân quyền, nhất là trong bối cảnh chính quyền địa phương hiện nay được tổ chức theo mô hình hai cấp; cơ chế, chính sách phục vụ cho công tác PBGDPL.

Tại Tọa đàm, các đại biểu đã được nghe Báo cáo dẫn đề về tình hình thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và việc sửa đổi, bổ sung Luật PBGDPL nhằm khắc phục bất cập, thể chế hóa kịp thời chủ trương, yêu cầu mới của Đảng về đổi mới công tác PBGDPL do Phó Cục trưởng Cục PBGDPL và Trợ giúp pháp lý Phan Hồng Nguyên trình bày và các tham luận của Vụ Pháp chế, Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Luật sư Nguyễn Duy Lâm, Nguyên Vụ trưởng Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật - Bộ Tư pháp; GS.TS. Nguyễn Minh Đoàn, Trường Đại học Luật Hà Nội; TS. Phí Thị Thanh Tuyền – Trường Đại học Luật Hà Nội; các Sở Tư pháp: Bắc Ninh, Hưng Yên, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Tuyên Quang.

Cũng tại Tọa đàm, các đại biểu đã đề xuất các nội dung cụ thể về tăng cường sự phối hợp đa chiều, đa phương thức trong PBGDPL; bổ sung về nghĩa vụ của báo cáo viên không chỉ báo cáo về những hoạt động PBGDPL mà còn phải báo cáo cả về những thiếu hụt, bất cập của hệ thống pháp luật hiện hành mà họ đã phát hiện ra thông qua các hoạt động thực tiễn PBGDPL để các cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật của đất nước, phát triển hệ thống khoa học pháp lý và khoa học PBGDPL; quy định về xây dựng tủ sách pháp luật điện tử và sách nói pháp luật; quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng và duy trì các trang thông tin điện tử, chuyên mục hỏi - đáp pháp luật và các khóa học trực tuyến về pháp luật... Phát biểu kết luận Tọa đàm, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Ngọc đánh

giá cao những ý kiến tâm huyết, trách nhiệm, nghiên cứu có chiều sâu của các đại biểu. Đây là nguồn thông tin quý để Bộ Tư pháp có dữ liệu nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật sao cho thiết thực, đi vào cuộc sống.

Tọa đàm “Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật theo yêu cầu của Nghị quyết số 66-NQ/TW”

Vừa qua, Bộ Tư pháp tổ chức Tọa đàm “Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật theo yêu cầu của Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” thông qua hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến, dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Ngọc và Cục trưởng Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý Lê Vệ Quốc.

Tại điểm cầu Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị do đồng chí Trương Quang Sáng, Phó Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì; tham dự có Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Phổ biến giáo dục pháp luật và Theo dõi thi hành pháp luật; đại diện Lãnh đạo Phòng Quản lý văn bản và đại diện lãnh đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1.

Báo cáo đề dẫn tại Tọa đàm, Phó Cục trưởng Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý Phan Hồng Nguyên đã làm rõ khái niệm, nội hàm, các yếu tố hình thành, tác động tới văn hóa tuân thủ pháp luật. Theo đó, văn hóa tuân thủ pháp luật theo nghĩa rộng là những giá trị, chuẩn mực, thói quen được hình thành, duy trì trong cộng đồng và thể hiện qua thái độ tôn trọng pháp luật, niềm tin và nhận thức đúng đắn, hành vi ứng xử, chấp hành pháp luật một cách chủ động, tích cực, tự giác, đầy đủ. Văn hóa tuân thủ pháp luật là biểu hiện của sự phát triển bền vững trong ý thức pháp luật, phản ánh mức độ gắn kết giữa pháp luật và đời sống xã hội, là kết quả của giáo dục pháp luật và sự hình thành chuẩn mực hành vi pháp lý trong nhận thức, hành động của cá nhân và cộng đồng. Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền, việc kiến tạo và duy trì văn hóa tuân thủ pháp luật là nhiệm vụ chiến lược,

đòi hỏi sự phối hợp của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và người dân, đặc biệt là cán bộ, công chức. Chỉ khi pháp luật được thực hiện tự giác, văn hóa tuân thủ mới trở thành nền tảng cho dân chủ, kỷ cương và công bằng xã hội. Từ đó, đề ra một số giải pháp xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật như: hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng kiến tạo, minh bạch và lấy người dân làm trung tâm; đổi mới công tác truyền thông chính sách, phổ biến giáo dục pháp luật; nâng cao tính gương mẫu của đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên trong thực thi công vụ, chấp hành pháp luật; gắn kết chặt chẽ xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật với giáo dục đạo đức, lối sống, xây dựng văn hóa con người; khơi dậy vai trò chủ thể của nhân dân trong việc kiến tạo và thực hành văn hóa tuân thủ pháp luật. Cũng tại Tọa đàm, các đại biểu đã được nghe các tham luận của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các Sở Tư pháp Hà Nội, Sơn La, Tuyên Quang, Quảng Ninh, Hải Phòng, Nghệ An.

Phát biểu kết luận Tọa đàm, Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Ngọc cho rằng, khái niệm “văn hóa tuân thủ pháp luật” cần được tiếp cận từ cả lý luận và thực tiễn, nhưng điều quan trọng là phải dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng đối với người dân. Phải chuyển từ thực hiện pháp luật một cách thụ động sang thói quen tuân thủ pháp luật một cách tự giác và chủ động. Sự khác biệt giữa “tuân thủ pháp luật” và “văn hóa tuân thủ pháp luật” nằm ở chỗ: nếu hành vi tuân thủ chỉ là điều kiện cần, thì văn hóa pháp luật là điều kiện đủ, trở thành hành vi tự giác, ứng xử văn minh, lối sống hàng ngày của mỗi người. Thứ trưởng cũng đề xuất một số nhóm giải pháp trọng tâm để xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật một cách hiệu quả, cụ thể: tăng cường, nâng cao chất lượng giáo dục về đạo đức, lối sống từ sớm, từ cơ sở, cần tiếp tục đẩy mạnh, phát huy tất cả giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc dân tộc; đổi mới tư duy, nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó, cần tiếp tục hoàn thiện Cổng Pháp luật quốc gia, là nơi tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý; tăng cường

TIN HOẠT ĐỘNG

rà soát, sửa đổi kịp thời các quy định mâu thuẫn, chống chéo để hoàn thiện thể chế pháp luật, bảo đảm tính nghiêm minh, công bằng của pháp luật, đúng quy định, không có “vùng cấm”, không có ngoại lệ; bảo đảm an sinh xã hội, tạo điều kiện cho người dân yên tâm chấp hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ công chức phải là những người gương mẫu, có đạo đức và ý thức trách nhiệm cao, làm gương để người dân, doanh nghiệp có niềm tin vào pháp luật.

Hội nghị trực tuyến triển khai, phổ biến Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật

Ngày 17/9/2025, Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai, phổ biến Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật. Hội nghị được kết nối trực tuyến với 34 điểm cầu các tỉnh, thành phố trong cả nước. Đồng chí Nguyễn Quốc Hoàn - Vụ trưởng Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp chủ trì Hội nghị tại điểm cầu Bộ Tư pháp. Tại điểm cầu Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị do đồng chí Võ Thị Diệu Hương, Phó Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì; tham dự có đại diện Lãnh đạo và công chức làm công tác pháp chế, công tác xây dựng pháp luật tại các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; đại diện Lãnh đạo các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Tư pháp.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã được Lãnh đạo Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giới thiệu những điểm mới của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật; một số vấn đề cần lưu ý trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương; triển khai Quyết định số 1574/QĐ-TTg ngày 21/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; một số vấn đề cần lưu ý trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương. Đồng thời, Lãnh đạo Cục Kiểm tra văn bản

và Quản lý xử lý vi phạm hành chính đã giới thiệu đến các đại biểu những quy định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan Trung ương; một số vấn đề cần lưu ý trong kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tại Hội nghị các đại biểu đã trao đổi, thảo luận về thực tiễn triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương; đại diện Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cùng các báo cáo viên đã trực tiếp giải đáp ý kiến của các đại biểu, góp phần tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, giúp các địa phương triển khai Luật có hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Tọa đàm về Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Để nắm bắt tình hình, khó khăn, đề xuất của các địa phương được hỗ trợ điểm về triển khai chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025-2030” năm 2025-2027, ngày 18/9/2025, Bộ Tư pháp tổ chức Tọa đàm về chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Tại điểm cầu Bộ Tư pháp do đồng chí Phan Hồng Nguyên, Phó cục trưởng Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý chủ trì. Tại tỉnh Quảng Trị có 02 điểm cầu do đồng chí Trương Quang Sáng, Phó Giám đốc Sở Tư pháp và đồng chí Đào Thị Bình, Phó Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì; tham dự có Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật và Theo dõi thi hành pháp luật; đại diện Lãnh đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 2; công chức phụ trách công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Văn phòng HĐND và UBND các xã, phường: Đồng Hới, Quảng Ninh, Hoàn Lão; Đông Hà, Nam Đông Hà, Quảng Trị.

Tại buổi Tọa đàm đồng chí Phan Hồng Nguyên, Phó cục trưởng Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý đã báo cáo

TIN HOẠT ĐỘNG

thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong PBGDPL và định hướng thời gian tới gắn với thực hiện triển khai Đề án “Chuyển đổi số trong công tác PBGDPL giai đoạn 2025-2030”. Theo đó, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Bộ Tư pháp đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số trong công tác PBGDPL giai đoạn 2025-2030” (Đề án 766). Qua đó, tạo cơ sở pháp lý cho triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL được toàn diện, tổng thể. Đề án giao nhiệm vụ chọn một số địa phương làm điểm thực hiện Đề án. Trên cơ sở đó, tại Kế hoạch triển khai Đề án giai đoạn 1, Bộ Tư pháp đã chọn 10 địa phương gồm: Điện Biên, Cao Bằng, Lào Cai, Hưng Yên, Nghệ An, Quảng Trị, Khánh Hòa, Lâm Đồng, An Giang, Tây Ninh. Ở Trung ương, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án 766. Ở địa phương, đến nay đã có 23/34 tỉnh, thành phố đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án; các địa phương chọn điểm cũng đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL vẫn còn những khó khăn, hạn chế, thách thức như một số địa phương, cơ quan, đơn vị vận hành Cổng/Trang thông tin PBGDPL còn mang tính hình thức, chưa thực chất, hiệu quả; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL chưa tương xứng với yêu cầu thực tế; cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin của bộ, ngành, địa phương còn hạn chế, chưa được đầu tư đúng mức; nguồn nhân lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL còn rất hạn chế; việc thực hiện xã hội hóa trong ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL gặp nhiều khó khăn...

Tại Tọa đàm, các địa phương đã chia sẻ về tình

hình triển khai Đề án 766 trên địa bàn, đồng thời nêu những khó khăn, vướng mắc, đặc biệt ở các địa phương miền núi khi điều kiện kinh tế-xã hội còn nhiều khó khăn, do đó việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn hạn chế... Các địa phương cũng kiến nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu, xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuẩn về kỹ năng chuyển đổi số trong công tác PBGDPL, ưu tiên cho các tỉnh miền núi, vùng sâu vùng xa. Xây dựng các chương trình đào tạo trực tuyến để tạo điều kiện cho cán bộ cơ sở có thể tham gia học tập mọi lúc, mọi nơi...

Phát biểu kết luận Hội nghị đồng chí Phan Hồng Nguyên, Phó cục trưởng Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý ghi nhận những khó khăn, vướng mắc của các địa phương. Đồng thời cho biết, để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, học tập pháp luật của người dân, doanh nghiệp trên môi trường số, thời gian tới, cần tập trung nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành về chuyển đổi số trong công tác PBGDPL; xác định trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện chuyển đổi số trong công tác PBGDPL thuộc về người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương. Bên cạnh đó, nghiên cứu, hoàn thiện chính sách, thể chế để thúc đẩy việc chuyển đổi số trong công tác PBGDPL. Xây dựng, vận hành có hiệu quả các cơ sở dữ liệu, phần mềm, ứng dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước về PBGDPL, cung cấp thông tin pháp luật, PBGDPL cho người dân, doanh nghiệp. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực (kiến thức, kỹ năng) về chuyển đổi số cho nguồn nhân lực tham mưu, thực hiện công tác PBGDPL để phục vụ có hiệu quả công tác này. Phát huy, nhân rộng các hình thức PBGDPL trên môi trường mạng, trên mạng xã hội, các diễn đàn trực tuyến, ứng dụng AI Pháp luật,... đang được triển khai có hiệu quả. Đối với việc triển khai thực hiện chỉ đạo điểm theo Đề án 776, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với 10 địa phương được chọn làm điểm ban hành Kế hoạch phối hợp cụ thể, đảm bảo việc thực hiện làm điểm đạt hiệu quả cao.

TIN HOẠT ĐỘNG

UBND tỉnh Quảng Trị yêu cầu tăng cường quản lý Nhà nước đối với hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn

Thời gian qua, hoạt động đấu giá tài sản, đặc biệt là đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh đi vào nền nếp và đạt được nhiều kết quả. Hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu giá tài sản ngày càng được tăng cường; giá tài sản bán được cao hơn nhiều so với giá khởi điểm, đóng góp vào nguồn thu ngân sách địa phương; góp phần tích cực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn một số hạn chế như xác định giá khởi điểm chưa sát thực tế, một số cuộc đấu giá xuất hiện tình trạng giá trúng cao bất thường, lựa chọn tổ chức đấu giá chưa đúng quy định, một số phiên đấu giá còn sai sót, thiếu chuyên nghiệp; vai trò, trách nhiệm quản lý trong việc xử lý tài sản công của một số cơ quan, tổ chức, địa phương chưa được quan tâm đúng mức.

Để khắc phục những tồn tại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác đấu giá tài sản sau khi sắp xếp, tổ chức đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động đấu giá tài sản, ngày 4/9/2025, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 767/UBND-NC V/v tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu giá tài sản. Theo đó, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, địa phương tiếp tục quán triệt, triển khai nghiêm Luật Đấu giá tài sản và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh về đấu giá tài sản. Các đơn vị tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm vi phạm pháp luật trong đấu giá tài sản, nhất là đấu giá quyền sử dụng đất; lựa chọn tổ chức đấu giá có uy tín, năng lực, tránh tình trạng sắp xếp "sân sau", tiêu cực trong việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Sở Tư pháp tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu giá tài sản; chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn nghiệp vụ, đẩy mạnh ứng

dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu về đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh. Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp & Môi trường phối hợp trong việc định giá, xây dựng phương án đấu giá sát thị trường, hạn chế tình trạng đim giá, thổi giá. Thanh tra tỉnh tăng cường thanh tra, xử lý vi phạm; Công an tỉnh đảm bảo an ninh, trật tự, phòng ngừa và xử lý tội phạm liên quan đến đấu giá tài sản.

UBND các xã, phường, đặc khu công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tiến độ dự án để công khai, minh bạch thông tin, ngăn chặn đầu cơ, tung tin đồn thổi, thao túng giá đất. Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện nghiêm túc quy trình, thủ tục đấu giá tài sản, tuyệt đối không để lộ lọt thông tin về người đăng ký tham gia đấu giá, giá mà người tham gia đấu giá đã trả trước khi công bố kết quả đấu giá; kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc phối hợp với người có tài sản đấu giá, cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định trong trường hợp phát hiện người tham gia đấu giá thông đồng, móc nối để đim giá, thổi giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản, cản trở hoạt động đấu giá tài sản, gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá, đe dọa, cưỡng ép người tham gia đấu giá hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác.

UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương và các tổ chức đấu giá nghiêm túc triển khai nhằm đảm bảo hoạt động đấu giá tài sản minh bạch, hiệu quả, đóng góp tích cực cho sự phát triển của tỉnh.

Tọa đàm Kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống ngành Tư pháp Việt Nam

Hòa trong không khí hào hùng của cả nước kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, vừa qua Sở Tư pháp Quảng Trị long trọng tổ chức Tọa đàm Kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống ngành Tư pháp Việt Nam. Tham dự buổi Tọa đàm có các đồng chí Lãnh đạo Sở Tư pháp Quảng Trị; đồng chí Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, nguyên Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị (cũ) và các đồng chí nguyên là Lãnh đạo Sở Tư pháp đã nghỉ hưu qua các thời

TIN HOẠT ĐỘNG

kỳ; đại diện Lãnh đạo Thi hành án dân sự tỉnh, Trường Cao đẳng luật miền Trung; trưởng các tổ chức, đơn vị thuộc Sở Tư pháp đã nghỉ hưu trong đợt hợp nhất tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị; trưởng các tổ chức, đơn vị thuộc Sở và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; trưởng các tổ chức, đoàn thể thuộc Sở.

Tại buổi tọa đàm, các đại biểu đã cùng nhau ôn lại truyền thống lịch sử vẻ vang của ngành Tư pháp Việt Nam và ngành Tư pháp tỉnh nhà; tri ân công lao, đóng góp của các thế hệ đi trước; đồng thời tiếp tục khẳng định quyết tâm phát huy truyền thống đoàn kết, đổi mới và sáng tạo, góp phần xây dựng ngành Tư pháp Quảng Trị ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong không khí trang trọng, ấm áp nghĩa tình, các đồng chí nguyên là lãnh đạo Sở Tư pháp qua các thời kỳ đã chia sẻ những kỷ niệm sâu sắc trong công tác, đồng thời gửi gắm nhiều kinh nghiệm quý báu cho thế hệ trẻ. Đại diện công chức, viên chức, người lao động và đoàn viên thanh niên Sở Tư pháp cũng bày tỏ quyết tâm tiếp bước, giữ gìn và phát huy truyền thống của Ngành, nỗ lực học tập, rèn luyện, cống hiến cho sự phát triển chung. Kết thúc Tọa đàm, đồng chí Trần Chí Tiến, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tư pháp trân trọng ghi nhận những đóng góp bền bỉ, âm thầm nhưng vô cùng quan trọng của các thế hệ Lãnh đạo và công chức, viên chức, người lao động ngành Tư pháp tỉnh nhà qua các thời kỳ. Đồng chí khẳng định chính từ những nền tảng quý báu về tổ chức, con người và truyền thống đó sẽ tiếp tục là động lực, là hành trang để ngành Tư pháp Quảng Trị vững bước trong chặng đường mới, cùng chung tay xây dựng quê hương, đất nước ngày càng hùng cường, giàu mạnh.

Sở Tư pháp Quảng Trị tổ chức thành công Giải cầu lông Kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống Ngành Tư pháp Việt Nam

Hòa chung trong không khí cả nước đang ra sức thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám, Quốc khánh

2/9 và các ngày Lễ lớn của đất nước, vừa qua Sở Tư pháp tổ chức giải cầu lông chào mừng kỷ niệm 80 năm ngày truyền thống Ngành Tư pháp Việt Nam (28/8/1945 - 28/8/2025). Đến dự giải cầu lông có đồng chí Trần Chí Tiến, TUV, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở Tư pháp; đồng chí Nguyễn Văn Tuấn, Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh; đồng chí Võ Khắc Hoan, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Trung và đại diện Trường Cao đẳng Luật miền Trung; các đồng chí trong Đảng ủy, Lãnh đạo Sở Tư pháp và đại diện các đồng chí Lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở; Tổ trọng tài; các vận động viên cùng toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành Tư pháp Quảng Trị, Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị và Trường Cao đẳng Luật miền Trung.

Tham dự giải có 18 đôi vận động viên với 30 vận động viên là các đồng chí trong Lãnh đạo Sở Tư pháp, Thi hành án dân sự tỉnh và Trường Cao đẳng Luật miền Trung; Lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Tư pháp và công chức, viên chức, người lao động Sở Tư pháp, Thi hành án dân sự tỉnh và Trường Cao đẳng Luật miền Trung không phân biệt tuổi tác, chức vụ, cùng nhau thi đấu giao lưu, học hỏi và quyết tâm tranh tài.

Các vận động viên đã thi đấu ở 02 nội dung: đôi nam, đôi nam nữ; cống hiến cho giải đấu 24 trận đấu với những pha cầu đẹp mắt, những cuộc tranh đua quyết liệt đầy kịch tính giằng co từng điểm số, từng bàn thắng. Kết thúc một ngày thi đấu với khí thế sôi nổi, hào hứng, ở nội dung thi đấu đôi nam, Ban Tổ chức đã trao 02 giải nhất, 01 giải nhì và 01 giải ba cho các đôi đạt giải. Đối với nội dung thi đấu đôi nam nữ, Ban Tổ chức đã trao 01 giải nhất và 01 giải nhì và 02 giải ba cho các đôi đạt giải. Đây là hoạt động thể thao mang ý nghĩa sâu sắc nhân kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 và kỷ niệm 80 năm ngày truyền thống ngành Tư pháp Việt Nam. Qua đó tăng cường tinh đoàn kết, sự gắn bó, giao lưu giữa các tập thể, cá nhân và từng cơ quan, đơn vị; cổ vũ, động viên, thu hút công

TIN HOẠT ĐỘNG

chức, viên chức, người lao động tham gia tập luyện, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả hoạt động phong trào thể dục, thể thao. Thông qua hoạt động này nhằm nâng cao sức khoẻ, đời sống văn hóa, tinh thần cho toàn thể công chức, viên chức, người lao động; tạo không khí vui tươi, sôi nổi trong toàn Ngành; phát huy tinh thần đoàn kết, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Ngành.

Sở Tư pháp Quảng Trị tổ chức Hội nghị Điển hình tiên tiến ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị lần thứ I

Ngày 29/8/2025, Sở Tư pháp Quảng Trị tổ chức Hội nghị Điển hình tiên tiến ngành Tư pháp tỉnh Quảng Trị lần thứ I (2025-2030). Dự Hội nghị có đồng chí Hoàng Xuân Tân, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; đại diện Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh và Phòng Nội chính (Văn phòng UBND tỉnh); đại diện Lãnh đạo Sở Nội vụ; đại diện Lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ; các đồng chí nguyên Lãnh đạo Sở Tư pháp nghỉ hưu trong năm 2025; Lãnh đạo Sở Tư pháp; Lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Sở và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; Chuyên viên Khối Văn phòng Sở; Đấu giá viên, Trợ giúp viên, Công chứng viên; đại diện Lãnh đạo UBND phường Đồng Hới và đại diện một số tập thể và cá nhân được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Giấy khen của Giám đốc Sở Tư pháp.

Hội nghị đã nghe Báo cáo Tổng kết phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua khen thưởng giai đoạn 2020 -2025, phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2025 - 2030. Theo đó, giai đoạn 2020-2025, các phong trào thi đua được Sở Tư pháp triển khai đồng bộ, hiệu quả, lan toả rộng khắp, tạo động lực để toàn ngành Tư pháp không ngừng đoàn kết, sáng tạo, bút phá thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao. Chất lượng soạn thảo, góp ý, thẩm định các dự thảo văn bản QPPL của HĐND, UBND ngày càng nâng cao; tham mưu thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đồng bộ các chủ trương,

ng nghị quyết của Đảng, pháp luật của nhà nước, hoàn thiện hệ thống thể chế của tỉnh; đã thẩm định 709 văn bản QPPL; kiểm tra và tự kiểm tra văn bản theo thẩm quyền 645 văn bản; đã thực hiện kỳ hệ thống hoá 2019-2023, với hơn 1.524 văn bản; đã chủ động rà soát 1.059 văn bản QPPL của 02 tỉnh (Quảng Bình và Quảng Trị cũ). Công tác truyền thông chính sách, PBGDPL, hòa giải cơ sở, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa về hình thức, nội dung và ngày càng đi vào chiều sâu; trong hơn 5 năm, đã tổ chức 266 hội nghị tuyên truyền, phổ biến, quán triệt văn bản pháp luật với khoảng 15.000 lượt người tham dự; in ấn và phát hành tài liệu 861.368 tài liệu PBGDPL; phối hợp thực hiện 252 chuyên mục “Pháp luật và Đời sống” trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; tổ chức thành công 04 cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường nhà nước tiếp tục được triển khai đồng bộ, hiệu quả; đã triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ của Ngành được giao tại Đề án 06, trong đó đã hoàn thành việc số hoá dữ liệu hộ tịch và đã chuyển lưu chính thức trên cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hơn 1,8 triệu dữ liệu. Công tác quản lý nhà nước về bổ trợ tư pháp được chú trọng, tăng cường hoạt động bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức hành nghề, trong giai đoạn 2020-2025 doanh thu các tổ chức hành nghề trong lĩnh vực bổ trợ 179, 34 tỷ, nộp ngân sách nhà nước 24,15 tỷ). Đặc biệt, Sở, ngành Tư pháp đã mạnh mẽ đi đầu trong chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ trong mọi hoạt động; các cơ sở dữ liệu ngành Tư pháp từng bước được xây dựng và phát huy hiệu quả, nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính với tỷ lệ trực tuyến đạt trên 80% trong toàn Ngành. Tích cực tham mưu tư vấn về mặt pháp lý trong xử lý các vướng mắc về đất đai, hoạt động đầu tư, thực hiện dự án, các vụ việc xử lý vi phạm hành chính phức tạp trên địa bàn tỉnh. Chất lượng đội ngũ cán bộ của

TIN HOẠT ĐỘNG

Ngành ngày càng được nâng cao cả về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, và bản lĩnh nghề nghiệp.

Hội nghị đã nghe 06 tham luận của các đại biểu chia sẻ về các cách làm hay, đổi mới, mang lại hiệu quả trong triển khai thực hiện nhiệm vụ của các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, cần được nhân rộng, lan tỏa trong toàn Ngành.

Cũng tại Hội nghị, đồng chí Trần Hữu Dân, Phó Giám đốc Sở Tư pháp đã phát động phong trào thi đua giai đoạn 2025-2030 chủ đề: “Đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo, hiệu quả; thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao giai đoạn 2025-2030” đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động Sở Tư pháp.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Trần Chí Tiến, TUV, Giám đốc Sở Tư pháp đề nghị các tập thể, cá nhân trong toàn Ngành cần tiếp tục phát huy truyền thống thi đua yêu nước, sức mạnh tập thể với phương châm “Đoàn kết - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển”, thực hiện tốt phong trào thi đua, yêu nước giai đoạn 2025-2030 với một số nhiệm vụ trọng tâm: nghiêm túc chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng. Tiếp tục hưởng ứng và triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước gắn với thực hiện nhiệm vụ của Ngành. Trọng tâm là tham mưu thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong lĩnh vực tư pháp, tiếp tục số hóa, ưu tiên xây dựng, hoàn thiện và khai thác có hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; nâng cao chất lượng và hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình trong lĩnh vực tư

pháp, hướng tới phục vụ ngày càng tốt hơn đối với người dân và doanh nghiệp. Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức phong trào thi đua đảm bảo thực chất, thiết thực, hiệu quả, hướng về cơ sở. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác khen thưởng; chú trọng sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm sau mỗi đợt thi đua. Xây dựng đội ngũ cán bộ Tư pháp “vững chính trị, giỏi chuyên môn, tinh thông nghiệp vụ, gần dân, hiểu dân” đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng ngành Tư pháp năng động, sáng tạo, kỷ cương, trách nhiệm, hiệu quả.

Dịp này, 01 tập thể và 01 cá nhân đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2020-2025; 04 tập thể và 11 cá nhân được Giám đốc Sở Tư pháp trao Quyết định công nhận điển hình tiên tiến cấp cơ sở giai đoạn 2020-2025; 03 tập thể và 15 cá nhân đã được Giám đốc Sở Tư pháp tặng Giấy khen vì đã có nhiều thành tích trong phong trào thi đua giai đoạn 2020-2025.

Trên cơ sở nội dung phát động phong trào thi đua ngành Tư pháp Quảng Bình giai đoạn 2025-2030, Hội nghị kêu gọi toàn thể công chức, viên chức, người lao động; các tổ chức, đơn vị thuộc Sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở tiếp tục phát huy truyền thống và những thành tích đạt được của ngành Tư pháp Quảng Trị trong giai đoạn vừa qua, đẩy mạnh hơn nữa các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng ngành Tư pháp Quảng Trị ngày càng vững mạnh.

PHÒNG PBGDPL&TĐTHPL

Hội nghị Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2027

Ngày 24/8/2025, tại Hội trường Sở Tư pháp, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị đã diễn ra Hội nghị Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2027. Đến dự và chỉ đạo Hội nghị có đồng chí Trương Quang Sáng, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Sở Tư pháp; đồng chí Nguyễn Tuấn Hùng, UVBTV Tỉnh đoàn, Bí thư Đoàn UBND tỉnh; đại diện các Chi bộ trực

TIN HOẠT ĐỘNG

thuộc Đảng bộ Sở Tư pháp, cùng toàn thể đoàn viên Chi đoàn.

Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị được thành lập trên cơ sở hợp nhất Chi đoàn Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình và Chi đoàn Sở Tư pháp Quảng Trị (cũ) theo Quyết định số 16-QĐ/ĐTN ngày 04/8/2025 của Ban Chấp hành Đoàn UBND tỉnh Quảng Trị. Trong giai đoạn 2024 – 2025, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, Lãnh đạo Sở Tư pháp, sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Đoàn cấp trên trực tiếp, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể thuộc Sở, Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp đã đoàn kết vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Các phong trào đoàn được tổ chức toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, với nhiều nội dung và hình thức phong phú, gắn kết chặt chẽ với hoạt động chuyên môn cũng như các phong trào do Sở Tư pháp phát động, tổ chức. Tại Hội nghị, các đại biểu được nghe các báo cáo: Báo cáo tổng kết công tác đoàn giai đoạn 2024 – 2025 và mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng hoạt động của công tác đoàn và phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2025 – 2027; báo cáo kiểm điểm của Ban chấp hành giai đoạn 2024 – 2025; báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào dự thảo Báo cáo chính trị của Đoàn UBND tỉnh Quảng Trị lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, đồng chí Trương Quang Sáng, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Sở Tư pháp đã biểu dương và chúc mừng những kết quả mà Chi đoàn đã đạt được trong giai đoạn 2024 - 2025, đồng thời chỉ đạo Ban chấp hành Chi đoàn nhiệm kỳ tới cần thường xuyên tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Lãnh đạo Sở và Ban chấp hành Đoàn UBND tỉnh; tiếp tục xây dựng và phát huy tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo trong mỗi đoàn viên thanh niên, tích cực hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đồng chí nhấn mạnh, mỗi đoàn viên cần phấn đấu trở thành những thanh niên xung phong trong thời đại mới, hành động theo phương châm: “Giữ tâm trong – Rèn trí sáng – Xây hoài bão lớn”.

Thay mặt Ban Thường vụ Đoàn UBND tỉnh, đồng chí Nguyễn Tuấn Hùng, UVBTV Tỉnh đoàn, Bí thư Đoàn UBND tỉnh đã ghi nhận những thành tích của Chi đoàn đã đạt được trong giai đoạn vừa qua và nhấn mạnh trong thời gian tới Chi đoàn cần tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục những tồn tại hạn chế, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp gắn với phong trào “05 tiên phong” và Chương trình “Phát triển toàn diện thanh niên Việt Nam” để thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên; xây dựng tổ chức đoàn vững mạnh toàn diện.

Hội nghị đã công bố Quyết định số 41-QĐ/ĐTN ngày 22/8/2025 của Ban chấp hành Đoàn UBND tỉnh Quảng Trị về việc chỉ định Ban Chấp hành, Bí thư, Phó Bí thư của Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp, theo đó: Ban Chấp hành Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp gồm 05 đồng chí: Đoàn Thị Bích Hào, Đặng Lê Thùy Trang, Lương Đức Lâm, Nguyễn Thanh Hương Nhài, Nguyễn Thị Kiều Đông. Đồng chí Đoàn Thị Bích Hào, giữ chức Bí thư Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp nhiệm kỳ 2025 - 2027; đồng chí Đặng Lê Thùy Trang giữ chức Phó Bí thư Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp nhiệm kỳ 2025 – 2027. Thay mặt Ban Chấp hành nhiệm kỳ 2025-2027, đồng chí Đoàn Thị Bích Hào đã phát biểu nhận nhiệm vụ; đồng thời khẳng định trong nhiệm kỳ tới, tập thể Ban Chấp hành Chi đoàn sẽ luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, phát huy trí tuệ tập thể, tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, gắn chặt công tác đoàn với nhiệm vụ chính trị và chuyên môn của cơ quan. Ban Chấp hành quyết tâm phấn đấu xây dựng Chi đoàn cơ sở Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị ngày càng vững mạnh, xứng đáng là lực lượng tiên phong của tuổi trẻ trong sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Tư pháp, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng ủy, Lãnh đạo Sở và Đoàn cấp trên đã tin tưởng giao phó.

CHI ĐOÀN SỞ TƯ PHÁP

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

1. Ngày 11/7/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 201/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học quốc gia

Tại Điều 2 Nghị định số 201/2025/NĐ-CP quy định Đại học quốc gia là cơ sở giáo dục đại học công lập do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý, có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng và sử dụng con dấu có hình Quốc huy. Đại học quốc gia có chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao; có một số lĩnh vực đào tạo dẫn đầu trong nước và được xếp hạng cao trên thế giới. Đại học quốc gia chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành khác và Ủy ban nhân dân các cấp nơi đại học quốc gia đặt trụ sở theo quy định của pháp luật.

Nghị định số 201/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2025.

2. Ngày 14/7/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 205/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ

Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về ứng dụng và chuyển giao. Theo đó, tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 205/2025/NĐ-CP quy định tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, các ưu đãi, hỗ trợ về chuyển giao công nghệ và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định hiện hành.

Nghị định số 205/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2025.

3. Ngày 17/7/2025, Chính phủ đã ban

hành Nghị định số 208/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập

Tại Điều 4 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP quy định về thẩm quyền lập quy hoạch khảo cổ, điều chỉnh quy hoạch khảo cổ như sau:

- Thẩm quyền lập quy hoạch khảo cổ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Di sản văn hóa giao người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch khảo cổ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định; người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 chịu trách nhiệm lập, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch lập quy hoạch khảo cổ; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch khảo cổ sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Thẩm quyền lập điều chỉnh quy hoạch khảo cổ: Người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh chịu trách nhiệm lập điều chỉnh quy hoạch khảo cổ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 chịu trách nhiệm lập kế hoạch lập điều chỉnh quy hoạch khảo cổ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Nghị định số 208/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2025.

4. Ngày 21/7/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 210/2025/NĐ-CP sửa

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 210/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 38/2018/NĐ-CP về Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. Trong đó, Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được quy định như sau:

- Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không có tư cách pháp nhân, có từ 02 đến tối đa 30 nhà đầu tư góp vốn thành lập trên cơ sở Điều lệ quỹ. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không được góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo khác.

- Tài sản góp vốn có thể bằng Đồng Việt Nam, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.

- Danh mục hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo: Đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Tổng mức đầu tư không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư; Đầu tư các công cụ đầu tư có thể chuyển đổi; Đầu tư quyền mua cổ phần tại doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Giao dịch này không được chuyển nhượng cho các bên thứ ba.

- Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được sử dụng vốn nhận rồi từ vốn góp của các nhà đầu tư để gửi tiền có kỳ hạn hoặc mua chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật nhưng phải đảm bảo an toàn vốn. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và mua chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

- Toàn bộ số vốn góp và tài sản của các nhà đầu tư tại quỹ phải được hạch toán độc lập với nguồn vốn và tài sản của công ty thực hiện quản lý quỹ. Các nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ tự thỏa thuận về thẩm quyền quyết định danh mục hoạt động đầu tư và nội dung này phải được quy định tại Điều lệ quỹ và hợp đồng với công ty thực hiện quản lý quỹ (nếu có).

Nghị định số 210/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 15/9/2025.

5. Ngày 25/7/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 211/2025/NĐ-CP quy định về hoạt động mật mã dân sự và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 của Chính phủ

Nghị định số 211/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thông tin mạng về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự, đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 14/2022/NĐ-CP. Nghị định số 211/2025/NĐ-CP bổ sung Điều 93a. Vi phạm quy định về kinh doanh trong lĩnh vực mật mã dân sự, trong đó có quy định:

- Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp báo cáo cho Ban Cơ yếu Chính phủ về tình hình kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và tổng hợp thông tin khách hàng chậm dưới 01 tháng so với thời hạn quy định.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

+ Không quản lý, bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu về giải pháp kỹ thuật, công nghệ của sản phẩm mật mã dân sự theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, lưu trữ, bảo quản hồ sơ, tài liệu;

+ Không lập, lưu giữ và bảo mật thông tin khách hàng, tên, loại hình, số lượng và mục đích sử dụng của sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự;

+ Không nộp báo cáo hoặc nộp báo cáo cho Ban Cơ yếu Chính phủ về tình hình kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự và tổng hợp thông tin khách hàng chậm từ 01 tháng trở lên so với thời hạn quy định...

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

6. Ngày 30/7/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 213/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

Nghị định số 213/2025/NĐ-CP quy định chi tiết nội dung tại Điều 12; khoản 11 Điều 18; Điều 25; Điều 26 của Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự về: chuyển mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự để phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ nhu cầu dân sinh; trình tự, thủ tục, thẩm quyền cho phép các hoạt động được thực hiện trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; chế độ, chính sách đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân trong hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; chế độ, chính sách đối với địa phương, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị tác động bởi hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cho phép phương tiện bay hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng Việt Nam và pháp luật về phòng không nhân dân, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Tại Điều 9 Nghị định số 213/2025/NĐ-CP quy định quy định về trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn đối với cá nhân được huy động tham gia hoạt động bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (gồm: Huy động khắc phục sự cố thiên tai, hỏa hoạn; huy động xử lý tình huống về an ninh, trật tự ảnh hưởng đến an toàn, bí mật của công trình quốc phòng và khu quân sự) như sau:

- Mức trợ cấp ngày công lao động bằng mức trợ cấp đối với dân quân biển làm nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển;

- Mức tiền ăn bằng tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Nghị định số 213/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 15/9/2025.

7. Ngày 08/8/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 222/2025/NĐ-CP quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục

Nghị định số 222/2025/NĐ-CP quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục, bao gồm: nguyên tắc dạy và học bằng tiếng nước ngoài; yêu cầu đối với việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài về chương trình, giáo trình, tài liệu, người dạy, người học, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thi, kiểm tra, đánh giá, bảo đảm chất lượng, học phí và quản lý học phí; thẩm quyền, hồ sơ, thủ tục phê duyệt, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, chấm dứt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục. Nghị định này không điều chỉnh đối với việc dạy và học môn học ngoại ngữ, học phần ngoại ngữ; việc thực hiện liên kết giáo dục; liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ với nước ngoài; dạy chương trình của giáo dục nước ngoài.

Tại Điều 5 Nghị định số 222/2025/NĐ-CP quy định người dạy, người học thực hiện việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài như sau:

- Yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ đối với người dạy: Đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo.

- Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ đối với người dạy:

+ Giáo viên dạy cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở phải có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; giáo viên dạy cấp trung học phổ thông phải có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

+ Người dạy tại các cơ sở giáo dục thường xuyên dạy các môn học, nội dung học tập thuộc chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở phải có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; Người dạy tại các cơ sở giáo dục thường xuyên dạy

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

một số môn học, hoạt động giáo dục hoặc một số nội dung của một số môn học, hoạt động giáo dục của chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông phải có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; Người dạy tại các cơ sở giáo dục thường xuyên dạy các nội dung học tập thuộc các chương trình giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học phải có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; Người dạy tại các cơ sở giáo dục thường xuyên dạy các nội dung học tập thuộc các chương trình giáo dục thường xuyên khác phải có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

+ Người dạy các trình độ của giáo dục nghề nghiệp phải có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

+ Giảng viên giảng dạy các trình độ giáo dục đại học phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu giảng dạy của chương trình đào tạo, tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

- Người được đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ toàn thời gian ở nước ngoài với ngoại ngữ là ngôn ngữ giảng dạy và có văn bằng tốt nghiệp được công nhận theo quy định hoặc có bằng tốt nghiệp cử nhân ngoại ngữ, sư phạm ngoại ngữ tại Việt Nam được miễn yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 222/2025/NĐ-CP.

- Người học tham gia học những môn học, mô-đun, học phần và các nội dung, hoạt động giáo dục được dạy bằng tiếng nước ngoài theo tinh thần tự nguyện. Việc kiểm tra đầu vào đối với người học do cơ sở giáo dục thực hiện theo yêu cầu của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài được phê duyệt tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 222/2025/NĐ-CP.

Nghị định số 222/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/9/2025.

8. Ngày 30/6/2025, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 14/2025/TT-BXD quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

Thông tư số 14/2025/TT-BXD quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng thực hiện bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và tiêu chuẩn của cơ sở đào tạo lái xe mô tô. Tại Điều 13 Thông tư số 14/2025/TT-BXD quy định về yêu cầu đối với người học lái xe như sau:

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

- Người học lái xe để nâng hạng giấy phép lái xe phải đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 60 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Gồm: Người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe khi giấy phép lái xe còn hiệu lực, phải có đủ thời gian lái xe an toàn quy định cho từng hạng giấy phép lái xe; đối với việc nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng D1, D2, D thì người có nhu cầu được đào tạo còn phải có trình độ từ trung học cơ sở trở lên); trong đó, thời gian lái xe an toàn cho từng hạng giấy phép lái xe được quy định cụ thể như sau:

+ Hạng B lên C1, B lên C, B lên D1, B lên BE, C1 lên C, C1 lên D1, C1 lên D2, C1 lên C1E, C lên D1, C lên D2, D1 lên D2, D1 lên D, D1 lên D1E, D2 lên D, D2 lên D2E, D lên DE: thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên;

+ Hạng B lên D2, C lên CE, C lên D: thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên.

- Người đã có giấy phép lái xe hạng B chuyển số tự động được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng B chuyển số cơ khí (số sàn), người đã có giấy phép lái xe hạng B được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng C1

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 14/2025/TT-BXD; hồ sơ của người học lái xe thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2025/TT-BXD.

Thông tư số 14/2025/TT-BXD có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2025.

9. Ngày 28/02/2025, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung

Theo đó, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (QCVN 14:2025/

BTNMT). Trong đó, Quy chuẩn này quy định giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận; áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động xả nước thải sinh hoạt, nước thải đô thị, khu dân cư tập trung ra nguồn nước tiếp nhận. Quy chuẩn này không áp dụng đối với đối tượng được sử dụng công trình xử lý nước thải tại chỗ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2025.

PHÒNG PBGDPL&TDTPL

Giải đáp pháp luật...

(Tiếp theo trang 30)

c) Nếu thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ từ 04 giờ trở lên hoặc chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ nhiều ngày thì cứ 04 giờ được hưởng tiền bồi dưỡng tối thiểu bằng 0,6 ngày lương tối thiểu vùng. Nếu tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ vào ban đêm từ 22 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau thì được tính gấp hai lần theo cách tính trên.

2. Cấp nào có thẩm quyền huy động thì cấp đó trực tiếp chi trả tiền bồi dưỡng cho cá nhân được huy động thuộc phạm vi quản lý.

Trường hợp người tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không thuộc trường hợp huy động thì do Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả từ ngân sách nhà nước.

3. Cách tính ngày lương tối thiểu vùng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định này.

Câu 3: Ông Nguyễn Văn Miên (Kim Phú, Quảng Trị) hỏi: Quy định của pháp luật hiện hành về điều kiện hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật?

Trả lời: Tại Điều 5 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật (Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 25/7/2025) quy định về điều kiện hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật như sau:

1. Cơ sở sản xuất có động vật, sản phẩm động vật buộc phải tiêu hủy do dịch bệnh động vật theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đối với trường hợp đã công bố dịch bệnh: Có động vật, sản phẩm động vật buộc phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm;

b) Đối với trường hợp chưa đủ điều kiện công bố dịch bệnh: Có động vật, sản phẩm động vật tính với bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc động vật tại ổ dịch tiếp theo trên cùng địa bàn cấp xã (theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương) được Cơ quan có thẩm quyền kết luận mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh đối với bệnh đã có kết quả xét nghiệm dương tính tại ổ dịch đầu tiên;

c) Đối với trường hợp bệnh mới xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam nhưng chưa đủ điều kiện công bố dịch bệnh: Có văn bản của Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về thú y xác nhận tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

2. Người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật phải được cơ quan, đơn vị nhà nước có thẩm quyền phân công hoặc huy động bằng văn bản.

TRUNG TÂM TGPL NHÀ NƯỚC SỐ 1

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**
Số: **569** /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Trị, ngày **24** tháng **7** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1859/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2009/QĐ-BTP ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 295/TTr-STP ngày 18/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Công chứng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Sở Tư pháp có trách nhiệm xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt các quy trình giải quyết thủ tục hành chính/ cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Hoàn thành **trước ngày 31/7/2025**.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm ĐHTT tỉnh;
- Lưu: VT, HCC. *MS*



Hoàng Xuân Tân



Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH VÀ SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Quyết định số **569** /QĐ-UBND ngày **24** / **7** /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)


1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên/Mã số thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025/1.013856.H50	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản thông báo cho Văn phòng công chứng về việc Văn phòng công chứng đã hoàn thành nghĩa vụ xây dựng Điều lệ; trường hợp Điều lệ của Văn phòng công chứng chưa có đủ các nội dung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này thì Sở Tư pháp có văn bản yêu cầu Văn phòng công chứng sửa đổi, bổ sung Điều lệ và gửi về Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Tư pháp.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Trị; - Cơ sở 1: Số 09 đường Quang Trung, Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Cơ sở 2: Số 45 đường Hùng Vương, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Không	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng

2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung



TT	Tên/Mã số thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
1.	Bổ nhiệm công chứng viên/ 1.013803.H50	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ, thời hạn xác minh hồ sơ không quá 15 ngày làm việc và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm đối với những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên. Người yêu cầu nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ. 	<p>Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở 1: Số 09 đường Quang Trung, Phường Đông Hới, tỉnh Quảng Trị. - Cơ sở 2: Số 45 đường Hùng Vương, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị 	Không	<p>Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.</p>
2.	Bổ nhiệm lại công chứng viên/ 1.013804.H50	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ, thời hạn xác minh hồ sơ không quá 15 ngày làm việc và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm lại công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị 	<p>Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở 1: Số 09 đường Quang Trung, Phường 	500.000 đồng/hồ sơ	<p>Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.</p>

TT	Tên/Mã số thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
		<p>bổ nhiệm lại đối với những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên. Người yêu cầu nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ.</p>	<p>Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Cơ sở 2: Số 45 đường Hùng Vương, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị</p>		
3.	<p>Miễn công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)/ 1.013805.H50</p>	<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên, trong đó nêu rõ quá trình hành nghề của công chứng viên và đề xuất của Sở Tư pháp, kèm theo hồ sơ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.</p> <p>Trường hợp thông tin trong hồ sơ đề nghị miễn nhiệm chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần xác</p>	<p>Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Trị: - Cơ sở 1: Số 09 đường Quang Trung, Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Cơ sở 2: Số 45 đường Hùng Vương, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị</p>	Không	



TT	Tên Mã số thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
4	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài /1.013806.H50	<p>minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu Sở Tư pháp bổ sung, làm rõ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xác minh thông tin trong hồ sơ. Thời hạn quy định tại khoản này được tính từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được kết quả bổ sung, làm rõ hoặc xác minh thông tin. Việc xác minh tính hợp pháp của hồ sơ thực hiện không quá 20 ngày làm việc.</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Trị; - Cơ sở 1: Số 09 Đường Quang Trung, Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Cơ sở 2: Số 45 Đường Hùng Vương, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị</p>	Không	<p>Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp</p>

Đẩy xe phụ tôi

Vào một ngày nọ, một người đàn ông tan ca về khuya. Ông ta leo lên một chiếc xe buýt và ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Thời gian vẫn trôi đi, ông ta vẫn ngủ, xe buýt vẫn chạy. Chợt ông ta giật mình thức dậy và thấy xung quanh mình ko còn ai, đường phố thì cũng vắng tanh... Tài xế cũng biến đâu mất tiêu luôn... Nhưng một điều kì lạ đó là xe vẫn lăn bánh một cách chậm rãi. Ông ta hoảng hốt hét lên "Cứu tôi với!" Không ai trả lời. Bỗng có tiếng hét lên "Cứu gì, xuống đẩy xe phụ tôi coi"

Vượt ngục

Có 2 tên tù có ý định vượt ngục nhưng cửa ngục luôn luôn khóa rất kỹ. Nhưng rồi sau một thời gian chúng cũng vất vả rèn được một cái chìa khoá có thể mở được cửa nhà tù. Đêm hôm đó, một tên đi trước cầm chìa khoá để mở cửa. Sau một lúc hẳn hốt hoảng quay lại và nói:

- Thôi chết rồi! Đêm nay chúng ta không thoát được rồi
- Sao vậy ?
- Đêm nay cai ngục lại không khóa cửa.

Biết viết nhưng không biết đọc

Người cai tù hỏi tù nhân Maritnez.

- Anh có biết đọc và viết không?
- Tôi biết viết nhưng không biết đọc.
- Hãy viết tên anh vào đây!
- Maritnez viết nguệch ngoạc vài chữ rất to rồi đưa cho người cai tù.
- Anh viết cái gì thế này?
- Tôi không biết. Tôi đã nói với anh là tôi không biết đọc mà.

Lộ tẩy

Một doanh nhân trẻ vừa mới mở công ty riêng. Anh thuê một văn phòng đẹp đẽ và thuê người trang trí bằng các tác phẩm mỹ thuật cổ.

Đang ngồi trong văn phòng anh nhìn thấy một người đàn ông từ phía ngoài đi vào. Muốn tạo hình ảnh ấn tượng. Anh chàng doanh nhân nhắc điện thoại lên và bắt đầu làm ra vẻ có một khối lượng công việc khổng lồ. Anh đưa ra những con số to lớn và những cam kết vĩ đại. Cuối cùng anh đặt điện thoại xuống và quay ra hỏi người khách:

- Nào, tôi có thể giúp gì cho anh?
- À, tôi đến để giúp anh kích hoạt đường dây điện thoại. Người đàn ông trả lời.

Ghét lão hàng xóm

Một nữ doanh nhân bị stress liền đến phòng khám của một bác sĩ chuyên khoa thần kinh để kiểm tra sức khỏe. Bác sĩ yêu cầu bà ta đến đứng ở cửa sổ bên hông nhà le lưỡi trong năm phút.

Sau năm phút, nữ doanh nhân hỏi bác sĩ: Bây giờ bác sĩ có thể khám cho tôi được chứ?

- Chưa đâu, thưa bà.
- Nhưng tôi đã le lưỡi đủ năm phút rồi mà?
- Ô, điều đó không có ý nghĩa gì với sức khỏe của bà cả. Chẳng qua tôi chỉ nhờ bà dọa tên hàng xóm đáng ghét thôi. Bác sĩ đáp.

Oan cho tiệm em lắm

Một người bị cán đinh của bọn đinh tặc khi đang đi xe máy vừa dẫn xe vào tiệm sửa xe vừa nói giọng bức tức: "Bọn đinh tặc bắt lương này sớm muộn gì rồi chúng cũng gặp quả báo".

Tay chủ tiệm nghe thấy vội vàng phân bua khi vừa tháo xong đinh cho khách hàng:

"Đinh của tiệm em rải là đinh móc, còn đinh xe anh cán là đinh thoi. Anh nói thế rất oan cho tiệm của em đó".

PHÒNG PBGDPL (sưu tầm)